



Mục lục

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

3 NGUYỄN VĂN LINH:

Các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đất nước trong Đại hội XIII và những yêu cầu đặt ra

13 BÙI TRƯỜNG GIANG:

Phân tích khả năng thực hiện một số mục tiêu phát triển kinh tế trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng từ góc nhìn tăng trưởng dài hạn, năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế qua gần 40 năm đổi mới

27 ĐOÀN XUÂN THỦY:

Nguồn lực, động lực để hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

39 PV:

Một số kết quả trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước nhiệm kỳ 2020-2025 thời gian qua

50 PV:

Một số kết quả trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2020-2025 thời gian qua

62 PV:

Những kết quả nổi bật trong thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Tiền Giang lần thứ XI thời gian qua



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC TRONG ĐẠI HỘI XIII VÀ NHỮNG YÊU CẦU ĐẶT RA

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

I. Về xây dựng và thực hiện hệ chỉ tiêu, mục tiêu phát triển đất nước, kinh nghiệm quốc tế và những giá trị tham khảo cho Việt Nam

Nghiên cứu chỉ rõ, việc xác định và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu phát triển trong ngắn hạn, trung hạn, dài hạn của một quốc gia luôn có vị trí quan trọng hàng đầu đối với các quốc gia, là cơ sở để xây dựng các chính sách, giải pháp thực hiện, vừa thể hiện trọng tâm ưu tiên, thông qua vai trò Nhà nước và sự vận động của cơ chế thị trường để phân bổ có hiệu quả các nguồn lực. Các mục tiêu khi được xác định, là

tiên đề cho việc xây dựng hệ chỉ tiêu trên từng lĩnh vực, thông qua việc thực hiện, cũng thể hiện năng lực, uy tín của Nhà nước đối với người dân. Bởi vậy, có một số nguyên tắc chung trong việc xây dựng, thực hiện mục tiêu và chỉ tiêu được nhiều quốc gia đã tiến hành là:

Một là, mục tiêu cần được xác định rõ ràng phù hợp với đặc điểm mỗi quốc gia và xu thế phát triển của thế giới.

Xây dựng mục tiêu cần phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Tạo được động lực phấn đấu của người dân, doanh nghiệp thông qua việc chỉ rõ lợi ích

người dân được thụ hưởng, tránh để tham vọng chính trị lấn át khả năng hiện thực hóa trên thực tế; (2) Các mục tiêu đặt ra kỳ vọng phát triển, song phải rõ ràng, không mơ hồ, có thể định lượng được, có tính khả thi; (3) Vừa có tính kế thừa, vừa dự liệu khả năng đạt được gắn với bối cảnh trong nước, thế giới luôn thay đổi, phù hợp với đặc điểm mỗi nước và mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp quốc; (4) Xác định mục tiêu vừa có tính động, mở nhưng phải rõ hướng ưu tiên, có khả năng điều chỉnh qua từng giai đoạn. Kinh nghiệm đưa ra định hướng mục tiêu của một số nước khá rõ ràng, thể hiện khát vọng, không gây tranh cãi, như: Mục tiêu trong Chiến lược 2011-2025: Phát triển Ấn Độ; tiến bộ, công bằng và thịnh vượng; với Thái Lan là tầm nhìn phát triển 2017-2036: An ninh, Thịnh vượng và bền vững; Trung Quốc xây dựng toàn diện xã hội khá giả.

Hai là, hệ các chỉ tiêu đặt ra không nên quá nhiều, nhất là các chỉ tiêu

pháp lệnh, đồng thời chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển về lượng sang chất lượng phúc lợi người dân được thụ hưởng.

Xây dựng hệ chỉ tiêu phục vụ mục tiêu phát triển đất nước chịu sự chi phối bởi nhiều yếu tố, trong đó có vai trò của Nhà nước và mức độ hoàn thiện của thị trường. Các nước phát triển, vai trò can thiệp của Nhà nước vào hoạt động của nền kinh tế ít hơn, chẳng hạn ở Anh, khi xây dựng mục tiêu dài hạn, xác định xây dựng một nền kinh

tế mạnh hơn và bảo đảm tốt hơn cho sự phát triển đất nước bằng việc xác định 5 chỉ tiêu: giảm thâm hụt ngân sách; cắt giảm thuế; tạo thêm việc làm; bảo đảm phúc lợi và giảm nhập cư; cung cấp trường học tốt nhất. EU chỉ xác định có 6 chỉ tiêu pháp lệnh. Các mục tiêu, chỉ tiêu này phần lớn mang ý nghĩa cam kết của chính phủ, hoặc để giải trình chỉ tiêu, không có ý nghĩa pháp lý chính phủ phải đạt được. Bên cạnh đó, điểm mới trong việc xây dựng mục tiêu, tiêu chí hiện nay là

chuyển từ đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế và thu nhập sang phúc lợi cho người dân, lấy người dân làm trung tâm. Cách tiếp cận này có sự giống nhau ở các nước phát triển, đặc biệt là các nước Bắc Âu.

Ba là, việc xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí luôn tính đến các nhân tố bất thường khi nền kinh tế gặp cú sốc lớn, nhất là chiến tranh, thiên tai, khủng hoảng, bệnh dịch... điều đó đòi hỏi:

- *Xây dựng cơ chế tự điều chỉnh các chỉ tiêu, các ngưỡng tài chính, ngân sách.* Khi có nhân tố bất thường, các cơ chế điều chỉnh tự động và phản hồi chính sách được kích hoạt, giúp chính phủ tăng cường hiệu lực thực, điều chỉnh các nguồn lực. Chẳng hạn, *đối với nợ công:* Ba Lan và Slovakia đặt mức trần nợ công ở mức tương đương 60% GDP. Tại Slovakia, khi tỷ lệ nợ lên 50% GDP, Bộ trưởng Tài chính có nghĩa vụ giải trình trước Quốc hội và đưa ra những giải pháp giảm nợ công; khi lên tới mức 53% GDP, chính phủ có thể sẽ thông qua một gói các biện pháp để giảm mức nợ; và khi tới mức 55% GDP, chi tiêu công có thể sẽ bị cắt giảm tự động 3% và chi tiêu cho năm kế tiếp sẽ bị “đóng băng”, trừ các quỹ

liên kết với EU. *Đối với cân đối NSNN:* Quy tắc cân bằng cơ cấu ngân sách của Thụy Sĩ và Đức có cơ chế tự điều chỉnh nhằm “phanh nợ”. Khi sự chênh lệch tích lũy vượt một ngưỡng thì cơ chế “chỉnh sửa” nhằm làm giảm chênh lệch sẽ được kích hoạt, với thời hạn cho điều chỉnh được xác lập sẵn.

- *Quy định trường hợp được phép miễn áp dụng các nguyên tắc tài chính, ngân sách hiện hành khi khẩn cấp.* Các điều khoản miễn áp dụng các quy định tài chính, ngân sách, cụ thể là: (1) Giới hạn và xác định rõ những yếu tố, những trường hợp được phép miễn áp dụng; (2) Đưa ra chỉ dẫn rõ ràng về việc nội dung, cách thức giải trình, lý giải và việc xác định các trường hợp; (3) Xác định lộ trình quay trở lại áp dụng các quy định đã bị hoãn để xử lý những sai lệch. Các điều khoản miễn áp dụng này được thực hiện ở Brazil, Colombia, Đức, Mexico, Jamaica, Panama, Peru, Romania, Slovakia, Tây Ban Nha và Thụy Sĩ, nhất là trong giai đoạn suy thoái kinh tế, thiên tai hay giải cứu hệ thống ngân hàng (Slovakia). Trong thời kỳ khủng hoảng tài chính, nhiều nước đã tạm thời không áp dụng cơ chế, nguyên tắc tài chính, ngân sách hoặc

được điều chỉnh bằng cách nói lỏng theo hướng linh hoạt hơn...

Bốn là, một số chỉ tiêu là ngưỡng an toàn cần phải điều chỉnh theo giai đoạn, nhất là khi bối cảnh môi tác động mạnh đến điều kiện thực hiện

- Các ngưỡng nêu trên hầu hết có ý nghĩa cảnh báo cho các nước, trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô, điển hình là trường hợp ngưỡng an toàn về nợ công, nợ nước ngoài như ở một số quốc gia châu Âu. Đối với ngưỡng về dự trữ ngoại hối, một số nước như: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,... không tính đến các ngưỡng thông thường do có dự trữ nhiều. Gần đây, IMF (2013) đã đưa yếu tố nhận kiều hối, là nhân tố quan trọng trong đánh giá tính bền vững của nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia..

- Một số nhân tố ảnh hưởng tới việc áp dụng và cảnh báo các chỉ tiêu có liên quan tới chuẩn mực an toàn, quy định về thống kê, thu thập dữ liệu, việc phân tích, công khai chỉ tiêu và khả năng so sánh quốc tế, đặc biệt là các yếu tố chính trị, kinh tế,... ảnh hưởng tới việc xây dựng và áp dụng các chỉ tiêu kinh tế của mỗi quốc gia cũng cần được điều chỉnh.

Năm là, xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ tiêu chí phát triển đất nước hiện nay ở các nước ASEAN cần tính đầy đủ, sâu sắc các nhân tố tác động mới, như: (1). Tác động của Đại dịch Covid-19; (2) Tác động của Chiến tranh thương mại/Căng thẳng trong quan hệ Mỹ-Trung lên các lĩnh vực thương mại và đầu tư, tài chính; (3) Gia tăng xu hướng Nam tiến (ASEAN) của các nước Hàn Quốc, Nhật Bản, vùng lãnh thổ Đài Loan; (4) Tranh chấp lãnh hải và thay đổi lớn trong các tuyến hàng hải quốc tế qua biển Đông; (5) Tác động của tiến bộ công nghệ, đặc biệt là Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư; (6) Sự phân tán đầu tư quốc tế từ Trung Quốc ra các nước khác; (7) Chi phí nhân công trong nước ngày càng tăng; (8) Nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường; (9) Hệ lụy của biến đổi khí hậu và xâm mặn.

II. Các nguyên tắc, yêu cầu, điều kiện trong xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu phát triển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045

2.1. Về nguyên tắc

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã đưa ra mục tiêu, xây dựng các chỉ tiêu đến năm 2030. Trong đó, đã có các chỉ

tiêu cụ thể của giai đoạn 2021-2025 và một số chỉ tiêu của 2030, do đó yêu cầu đặt ra là cần thực hiện tốt chỉ tiêu giai đoạn 2021-2025 và xây dựng và thực chỉ tiêu của giai đoạn 2026-2030 và tầm nhìn đến năm 2045. Bởi vậy, cần có các nguyên tắc chung trong xây dựng và thực hiện mục tiêu, hệ chỉ tiêu phù hợp với thực tiễn Việt Nam, cụ thể là:

- Nguyên tắc chung:

Một là, quán triệt đầy đủ các quan điểm chỉ đạo được nêu trong các văn kiện của Đảng từ Đại hội XIII và các nhiệm kỳ tiếp theo; xử lý đúng đắn các mối quan hệ lớn trong quá trình đổi mới, hội nhập quốc tế, đây là các nguyên tắc chung, bao trùm chi phối toàn bộ sự phát triển của đất nước hiện nay và giai đoạn tiếp theo.

Hai là, tiếp tục cụ thể hóa mục tiêu, chỉ tiêu thể hiện tính định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế, chủ động lựa chọn, tiếp thu các tiêu chí thể hiện xu hướng văn minh, tiến bộ của nhân loại.

Ba là, đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng với thể chế, chính sách pháp luật của Nhà nước; giữa phát triển bên

trong và tranh thủ bên ngoài, trong đó giữ ổn định, phát triển bên trong có vai trò quyết định.

Bốn là, luôn xác định các hướng ưu tiên, khâu đột phá trong quá trình thực hiện các chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển, nhất là trong điều kiện có những tác động bất lợi từ bên ngoài. Đây là cơ sở để tạo đột biến trong phát triển.

- Các nguyên tắc cụ thể:

Việc lựa chọn mục tiêu, chỉ tiêu ưu tiên phải dựa trên cơ sở phân tích chính xác, đúng những điểm mạnh, yếu, cơ hội và thách thức của đất nước trong thời kỳ kế hoạch. Hàng năm, trong quá trình thực hiện, có sự ưu tiên, lựa chọn sẽ khác nhau, tùy theo điều kiện phát triển của đất nước. Không dập khuôn, cứng nhắc theo một mẫu kế hoạch với các tiêu chí, các mục giống nhau hàng năm. Việc xây dựng và thực hiện cần:

(1) Có tính kế thừa, phản ánh được thành quả phát triển, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, mục tiêu, chỉ tiêu để ra cần bám sát với tầm nhìn chung, càng cụ thể càng dễ thực hiện, việc đặt ra các mục tiêu quá chung chung dễ dẫn đến việc thực hiện không đầy đủ, dẫn tới mất định hướng.

(2) Đảm bảo tính nhất quán, đồng bộ, gắn kết chặt chẽ giữa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, là cơ sở để sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội, đặc biệt là các khâu đột phá, các hướng ưu tiên.

(3) Phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và những khuyến nghị hợp lý của một số tổ chức quốc tế uy tín như WB, IMF, ADB..., đặc biệt là các chỉ tiêu liên quan tới phát triển bền vững và chất lượng tăng trưởng.

(4) Cụ thể, dễ hiểu - đo lường được - khả thi - có khung thời gian thực hiện. Việc đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cần đảm bảo có thể thực hiện được, không quá cao, không quá thấp. Mục tiêu, chỉ tiêu cần được xác định thực hiện trong một khoảng thời gian nhất định.

(5) Là công cụ để đánh giá các khía cạnh của nền kinh tế về quy mô, tốc độ, hiệu quả, bền vững, sáng tạo và bao trùm. Mục tiêu, chỉ tiêu được lượng hóa cao càng dễ dàng kiểm tra, kiểm soát tiến độ hoàn thành mục tiêu.

2.2. Những yêu cầu trong xây dựng và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu

Khi xây dựng và thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể hóa văn kiện Đại hội

XIII trong những năm còn lại, cần đảm bảo các vấn đề sau:

- *Tính nhất quán*: Trong việc xây dựng, đề ra mục tiêu, chỉ tiêu cần thống nhất; giữa các mục tiêu cụ thể không trái ngược, mâu thuẫn nhau và phải nhằm thực hiện mục tiêu tổng quát; mục tiêu tổng quát trong từng giai đoạn phải phù hợp với Cương lĩnh của Đảng. Mục tiêu dài hạn, mang tính định hướng, khái quát, mục tiêu ngắn hạn, phải đảm bảo tính cụ thể.

- *Xác định vấn đề cần ưu tiên*: Trong điều kiện đất nước còn khó khăn, các mục tiêu, chỉ tiêu cần xác định các trọng tâm thực hiện, đặc biệt là những lĩnh vực có tính đột phá. Nguồn lực hạn chế cần phải được tập trung vào các lĩnh vực then chốt, quan trọng, tạo đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế, xã hội, môi trường, tránh dàn trải.

- *Phân bổ nguồn lực*: Đảm bảo vừa thực hiện theo cơ chế thị trường, vừa có vai trò của Nhà nước, nguồn lực được phân bổ hợp lý để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đã xác định..

- *Bảo đảm sự gắn kết trong xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu*: giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa kinh tế, xã hội và môi

trường, cụ thể hóa định hướng xã hội chủ nghĩa trong xây dựng và thực hiện chỉ tiêu, mục tiêu. (i) Lấy con người là trung tâm của sự phát triển, phát triển con người Việt Nam toàn diện, cả về vật chất, tinh thần và tiến bộ là mục tiêu cuối cùng. (ii) Thực hiện nguyên tắc phát triển hài hòa, bền vững giữa kinh tế, xã hội và môi trường, luôn được chú trọng trong quá trình phát triển. (iii) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh ứng dụng, phát triển khoa học và công nghệ, nhất là ở những ngành và lĩnh vực sản xuất có ảnh hưởng đến tốc độ và chất lượng tăng trưởng, như công nghệ thông tin, internet, kinh tế số, xã hội số... (iv) Nâng cao chất lượng, năng lực quản trị của Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hoạt động hiệu lực, hiệu quả. (v) Phát triển nhanh, bền vững là sự nghiệp của toàn Đảng, các cấp chính quyền, các bộ, ngành và địa phương; đoàn thể xã hội, các doanh nghiệp và mọi người dân.

2.3. Điều kiện áp dụng để xây dựng và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, chỉ tiêu phát triển đất nước

Thứ nhất, ổn định chính trị - xã hội.

Thứ hai, các giải pháp phòng, chống

Covid- 19 ở Việt Nam đạt hiệu quả cao trong thời gian tới, đến nay Việt Nam đã cơ bản kiểm soát tốt và hiện nay đang chuyển sang giai đoạn mới “dạng bệnh đặc hữu như Cúm mùa”.

Thứ ba, tình hình biển Đông trước mắt cơ bản ổn định, nhưng chiến tranh Nga và Ucraina xuất hiện nhiều diễn biến phức tạp, khó lường.

Thứ tư, hệ thống thể chế phát triển, đặc biệt là thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa hoàn thiện, thực thi hiệu quả.

Thứ năm, vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh và bền vững, kỷ luật, kỷ cương xã hội được giữ vững.

Thứ sáu, vai trò lãnh đạo, lòng tin của nhân dân với Đảng tiếp tục được củng cố, nâng cao; cuộc chiến đấu chống tham nhũng đem lại kết quả tích cực

III. Căn cứ, điều chỉnh, bổ sung một số chỉ tiêu, một số vấn đề đặt ra để Việt Nam trở thành nước phát triển có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa

3.1. Một số căn cứ chính

Một là, tác động tích cực của cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đây là cơ

hội lớn, Việt Nam đã từng bước thích ứng xây dựng kinh tế số, xã hội số với các chỉ tiêu thành phần từng bước cụ thể hóa trong từng năm.

Hai là, những hiệu ứng tốt của các hiệp định tự do thể hệ mới mà Việt Nam đã tham gia, chuẩn bị có hiệu lực với các phương án tích cực.

Ba là, hệ thống thể chế phát triển của Việt Nam tiếp tục được hoàn thiện; hạ tầng kinh tế- xã hội được bổ sung, phát triển mới; kinh tế tư nhân, doanh nghiệp tư nhân Việt Nam lớn mạnh hơn.

Bốn là, năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng được nâng lên, quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng hiệu lực, hiệu quả sau 40-50 năm đất nước đổi mới, từ 2025 trở đi.

3.2. Một số yêu cầu đặt ra cho thời gian tới

Từ những căn cứ trên đề xuất điều chỉnh một số chỉ tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường

Một là, về chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế, xã hội và môi trường những năm còn lại của nhiệm kỳ đại hội XIII và giai đoạn 2026- 2030, tầm nhìn đến 2045

- Phân loại rõ hơn trong cơ cấu chỉ

tiêu phát triển: (1) Nhóm chỉ tiêu về *phát triển*, phản ánh khái quát tình hình phát triển trong từng giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2045. (2) Nhóm chỉ tiêu về *chất lượng phát triển* của nền kinh tế, liên quan đến tính bao trùm, tính bền vững của nền kinh tế và chất lượng cuộc sống của người dân. (3) Nhóm chỉ tiêu về *động lực phát triển*, tập trung vào các vấn đề thể chế phát triển, môi trường kinh doanh, cơ sở hạ tầng, chất lượng đổi mới sáng tạo và nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Các nhóm chỉ tiêu về động lực cần bám sát các *khâu đột phá* trong từng giai đoạn 2030, 2045.

- Về tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 và chỉ tiêu tăng trưởng 2026-2030: (i) Mức tăng trưởng kinh tế điều chỉ từ 7-7,2%, thu nhập bình quân đầu đạt từ 7500-8000 USD. Phương án này cho thấy, nếu như giai đoạn 2021-2025, tốc độ tăng trưởng dự kiến từ 6,5-7%, nhưng do tác động của đại dịch Covid 19, năm 2021 tăng trưởng 2,56%, năm 2022 tăng trưởng 8,02%, 5 tháng đầu năm 2023 tăng trưởng 3,2%. Do vậy các năm còn lại phải có tốc độ tăng trưởng cao hơn, dự kiến phải đạt 7,3 % trong 3 năm

còn lại, đây là mức rất cao. Một số tổ chức uy tín quốc tế dự báo Việt Nam tăng trưởng khoảng từ trên 5% cho đến dưới 6,5% trong những năm còn lại. Điều này là thách thức lớn cho các mục tiêu, chỉ tiêu tăng trưởng của Việt Nam trong thời gian tới. Theo tính toán lại GDP, năm 2022 Quy mô kinh tế của Việt Nam đã vượt trên 400 tỷ USD, bình quân đầu người đã đạt mức khoảng trên 4000 USD, do vậy mục tiêu 5000 USD vào năm 2025 là hoàn toàn khả thi. (ii) Tuy nhiên, mặc dù áp lực tăng trưởng của Giai đoạn 2026-2030 của Việt để đạt GDP theo đầu người khoảng 7500-8000 USD vào năm 2030 là không lớn, nếu như không có đột biến xấu nào xảy ra, nhưng cơ cấu kinh tế, đóng góp của kinh tế số, TFP, ICOR, năng xuất lao động và tỷ lệ đô thị hóa, môi trường, tuổi thọ trung bình... cần phải đạt được bước phát triển mới. (iii). Chúng tôi cho rằng, Giai đoạn 2030-2045, mục tiêu thu nhập bình quân theo đầu người 18000 USD là hoàn toàn khả thi. Tuy nhiên tốc độ, chất lượng tăng trưởng là điều vẫn đáng phải quan tâm, tương ứng với chỉ tiêu thu nhập theo đầu người có các chỉ tiêu về

tuổi thọ trung bình, về môi trường kinh tế, xã hội, về chỉ số GINI, chỉ số hạnh phúc.

Hai là, bổ sung một số chỉ tiêu đảm bảo tính định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế đến 2045

- Theo các phương án nêu trên, đến 2045 Việt Nam có mức thu nhập 18000 USD trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, đó là quá trình liên tục, thực hiện mô hình tổng quát phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc xây dựng chỉ tiêu, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước là quá trình liên tục, từ thấp đến cao, trong đó vấn đề phát triển bền vững, gắn kinh tế với xã hội là thuộc tính của mô hình này, đòi hỏi gắn ngay từ đầu, trong từng bước đi và từng chính sách phát triển.

- Tính định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong mối quan hệ đồng bộ giữa kinh tế, xã hội và môi trường, từ thấp đến cao trong nhiều nhiệm kỳ vừa qua, đặc biệt là các chỉ số về tuổi thọ, GINI, xóa đói giảm nghèo, các mục tiêu thiên niên kỷ so sánh Việt Nam với nhóm nước cùng trình độ.

- Tuy nhiên, đến 2030 và tầm nhìn đến 2045, các chỉ tiêu mang tính dẫn

đất về kinh tế, xã hội, môi trường và một số chỉ tiêu đặc thù khác cần được xác định mang tính ưu tiên, minh bạch và có tính hiện thực cao, nhóm nghiên cứu đề xuất bổ sung:

+ Mức độ hoàn thiện thể chế phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Chỉ tiêu về giảm mức độ tham nhũng hàng năm

+ Chỉ tiêu về mức độ hài lòng của người dân ở một số dịch vụ công cơ bản.

+ Chỉ số đánh giá mức tín nhiệm lãnh đạo Đảng, Nhà nước với 2 mức, tín nhiệm và không tín nhiệm, với 2 năm một lần, có chế tài xử lý cụ thể.

+ Hoàn thiện chỉ số về tổ chức đảng, đảng viên trong sạch, vững mạnh, đảm bảo chất lượng.

- Trong quá trình phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045, cần giảm bớt các chỉ tiêu pháp lệnh về kinh tế; nhấn mạnh hơn một số chỉ tiêu đột phá, động lực như khoa học công nghệ, giáo dục và đào tạo, các chỉ tiêu về tiến bộ xã hội, sự hài lòng của người dân.

Ba là, yêu cầu về hoàn thiện thể chế và các điều kiện đảm bảo tăng trưởng

nhANH và bền vững. Cần sớm hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu phục vụ mục tiêu đưa Việt Nam trở thành nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tiếp tục nghiên cứu, làm rõ những tiêu chí mới, tiến bộ của nhân loại, nghiên cứu làm rõ hơn các đặc trưng, thuộc tính của chế độ xã hội chủ nghĩa, cụ thể hóa thành các tiêu chí có thể đo lường được, làm cơ sở để xây dựng và thực hiện trong các giai đoạn phát triển của đất nước, đặc biệt là năm 2030, tầm nhìn 2045.

Hoàn thiện thể chế phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với các giai đoạn năm 2030, tầm nhìn đến 2045. Cần sửa đổi một số luật phù hợp với giai đoạn mới của đất nước, khi Việt Nam tham gia ngày càng nhiều Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Xem xét, điều chỉnh một số chỉ tiêu giai đoạn 2021-2030 và bổ sung một số chỉ tiêu định hướng đến 2045 cho phù hợp với tình hình mới. Thực hiện các nhóm giải pháp hiệu quả chống tham nhũng, tiêu cực, tháo gỡ những điểm nghẽn, vướng mắc về thể chế hiện nay, phục vụ mục tiêu phát triển đất nước ■

PHÂN TÍCH KHẢ NĂNG THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRONG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG TỪ GÓC NHÌN TĂNG TRƯỞNG DÀI HẠN, NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG VÀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ QUA GẦN 40 NĂM ĐỔI MỚI

● TS BÙI TRƯỜNG GIANG

Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Bối cảnh thế giới, khu vực và trong nước diễn biến bất thường, bất ổn và bất lợi đối với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng

Trong những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, nền kinh tế nước ta đã chịu nhiều tác động từ bối cảnh thế giới diễn biến phức tạp, khó lường, gia tăng bất ổn. Đại dịch Covid-19 và cuộc chiến giữa Nga - Ukraina trong bối cảnh gia tăng căng thẳng giữa các nước lớn đã làm đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu, gây bất ổn kinh tế vĩ mô toàn cầu, xung đột địa-chính trị khu vực, qua đó ảnh

hưởng đến việc thực hiện các mục tiêu mà Đại hội XIII của Đảng đề ra.

Đại dịch Covid-19 đã tác động lớn đến mọi mặt của đời sống kinh tế-xã hội, gây thiệt hại lớn về sinh mạng và đứt gãy các chuỗi cung ứng và sản xuất toàn cầu. Đại dịch Covid-19 lan vào nước ta từ đầu năm 2020 với 4 làn sóng dịch cùng với các biện pháp “đặc biệt trong tình huống bất thường” đã khiến nền kinh tế và đời sống xã hội bị tổn thất rất nặng nề và tăng trưởng kinh tế năm 2020 ở mức thấp nhất trong vòng gần 40 năm qua kể từ khi Đổi mới.

Cuộc chiến tranh giữa Nga - Ukraina đã bước sang năm thứ 2 và chưa có dấu hiệu giảm nhiệt. Kể từ khi cuộc chiến diễn ra, giá dầu, giá nhiên liệu và lương thực thế giới tăng cao, gây lạm phát cao toàn cầu. Ngân hàng Trung ương nhiều nước lớn như Mỹ, Liên minh châu Âu, Nhật Bản... đã liên tục quyết định tăng lãi suất, thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt nhằm chống lại lạm phát dâng cao, gây tác động tiêu cực đến thị trường tài chính quốc tế và hoạt động sản xuất - kinh doanh toàn cầu, khu vực, qua đó ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta thông qua hoạt động thương mại và đầu tư.

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, ổn định kinh tế vĩ mô đối mặt với nhiều thách thức, sức ép lạm phát lớn, giá xăng, dầu, nguyên vật liệu đầu vào biến động mạnh; các thị trường xuất, nhập khẩu lớn, truyền thống bị thu hẹp; hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng suy giảm. Các vấn đề trên thị trường chứng khoán, bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, nợ xấu trong hệ thống ngân hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro. Điều này đã ảnh hưởng lớn đến ổn định kinh tế vĩ mô và đến các mục

tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

2. Tăng trưởng kinh tế trời sục mạnh, khó hoàn thành mục tiêu Đại hội XIII của Đảng.

Tăng trưởng kinh tế đang ở mức cao năm 2019 (đạt 7,4%), chịu tác động tiêu cực bởi đại dịch Covid-19 nên tăng trưởng kinh tế sụt giảm chỉ còn 2,6% năm 2021 sau đó phục hồi ấn tượng lên mức 8% năm 2022, kinh tế vĩ mô duy trì ổn định, tỷ lệ lạm phát ở mức thấp. Tuy nhiên, bối cảnh quốc tế và tình hình kinh tế-xã hội năm 2023 xuất hiện nhiều khó khăn, gây áp lực đối với mục tiêu tăng trưởng kinh tế 6,5%¹, dẫn đến khó hoàn thành mục tiêu cả nhiệm kỳ Đại hội Đảng XIII của Đảng - *Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm giai đoạn 2021-2026.*

Ngay đầu giai đoạn chiến lược 2020-2030, đại dịch COVID-19 bùng nổ trên phạm vi toàn cầu và vào nước ta từ đầu năm 2020. Việt Nam đã thực hiện các biện pháp cách ly mạnh mẽ. Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch COVID-19². Các biện pháp nghiêm

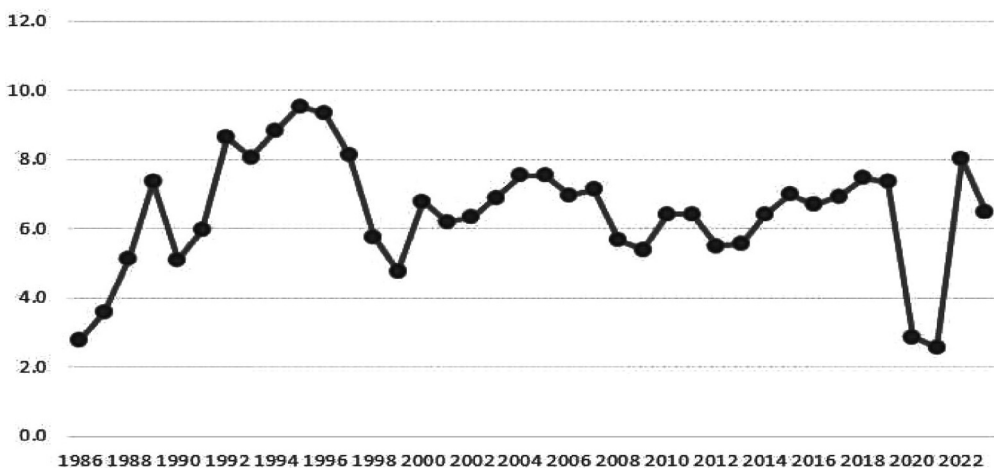
ngặt này có phát huy tác dụng ngăn chặn sự lây lan của dịch bệnh và sự bùng phát dịch bệnh trên diện rộng, nhưng chúng đã tác động rất tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Tác động toàn diện của Đại dịch COVID-19 làm cho tăng trưởng kinh tế giảm mạnh từ 7,4% năm 2019 xuống chỉ còn 2,9% năm 2020 và 2,6% năm 2021 - mức thấp nhất trong vòng gần 40 năm trở lại đây. Đại dịch lần này cũng làm bộc lộ ra những điểm yếu, khuyết tật của hệ thống quản trị quốc gia trước các tình huống khẩn cấp, bất thường³.

Phân tích số liệu tăng trưởng kinh tế trong gần 40 năm qua cho thấy Việt Nam đã trở thành nước thu nhập trung bình thấp vào năm 2008 và đang bước vào nhóm nước thu nhập trung bình cao. Chương trình Đổi mới năm 1986 là bước đi đúng đắn, bước ngoặt tạo nên đột phá cho tăng trưởng kinh tế trong gần 4 thập niên. Các cú sốc tiêu cực bên ngoài (cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á năm 1997, tài chính toàn cầu năm 2008 và đại dịch Covid-19) đã làm suy giảm tăng trưởng kinh tế. Đây là cái giá phải trả khi nền kinh tế hội nhập

ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Nhưng khi nội tại nền kinh tế yếu kém, tăng trưởng sẽ càng giảm sâu hơn và thời gian phục hồi sẽ kéo dài hơn, mất mát sản lượng sẽ lớn hơn. Trong gần 40 năm Đổi mới, nền tảng của nền kinh tế ngày một mở rộng, đời sống người dân ngày được cải thiện và đi cùng với đó là vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế ngày được nâng cao. Việc tiếp tục chủ động mở cửa và hội nhập là vô cùng quan trọng, tuy nhiên, việc hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu cũng làm cho *các cú sốc từ bên ngoài* trở nên thường xuyên hơn, mạnh mẽ hơn. Vì thế, việc củng cố sức đề kháng, sức chống chịu và năng lực tự cường của nền kinh tế là rất cần thiết.

Biến động trong tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam nói lên nhiều điều về các cú sốc, phản ứng chính sách của Chính phủ và hiệu quả trong công tác điều hành kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế nước ta trời sập mạnh trong những năm gần đây so với giai đoạn trước đó cho thấy các cú sốc bên ngoài ngày một gia tăng trong khi sức chống chịu của nền kinh tế chưa đủ vững chắc.

Đồ thị 1. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 1986-2022, %

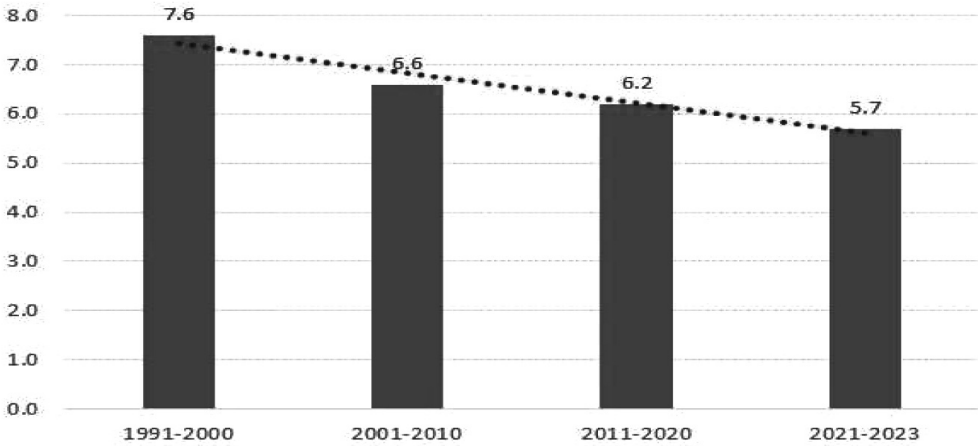


Nguồn: Tổng cục Thống kê

3. Tăng trưởng dài hạn “giảm cấp” do mô hình tăng trưởng theo chiều sâu chậm được đổi mới

Trong một thế giới động và luôn thay đổi, các quốc gia khác cũng luôn phát triển. Để bắt kịp các nước đi trước, bước vào nhóm nước thu nhập cao với tầm nhìn 2045, thì tăng trưởng kinh tế phải duy trì liên tục ở mức cao. Thế nhưng, rất đáng lo ngại, xu hướng tăng trưởng đang có xu hướng “hạ cấp”, *dường như với cấu trúc thể chế và cấu trúc kinh tế như hiện nay, tăng trưởng kinh tế đã tới ngưỡng “kịch trần”*. Để biết được trạng thái phát triển bền vững của nền kinh tế thì cần nhìn vào xu hướng dài hạn hơn của

nền kinh tế. Đồ thị 2 thể hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình mỗi 10 năm cho giai đoạn 1991-2023. Giai đoạn đầu Đổi mới, nền kinh tế như được cởi trói, nguồn lực được tự do phân bổ đã chảy từ nơi hiệu quả thấp đến nơi hiệu quả cao hơn, nền kinh tế được mở cửa, giá cả được tự do dao động và cùng với đó là việc đẩy mạnh quá trình cổ phần hoá doanh nghiệp làm cho nguồn lực trong nền kinh tế phân bổ hiệu quả hơn, năng lực cạnh tranh nền kinh tế được cải thiện rõ rệt. Kết quả là tăng trưởng kinh tế trung bình giai đoạn 1991-2000 đạt 7,6%, đây là mức rất cao. Và nếu theo “quy tắc 72”, nếu tốc độ tăng trưởng kinh tế

Đồ thị 2. Tăng trưởng kinh tế trung bình 10 năm giai đoạn 1991-2023, %

Lưu ý: Tăng trưởng kinh tế năm 2023 chưa được công bố nên chúng tôi sử dụng số liệu mục tiêu tăng trưởng là 6,5%. Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả

này vẫn giữ nguyên thì sau khoảng 9 năm, thu nhập của nền kinh tế sẽ tăng gấp đôi. Nhưng ngay sau giai đoạn tăng trưởng cao, trong 3 giai đoạn gần đây, tăng trưởng kinh tế trung bình có xu hướng giảm. Giai đoạn 2001-2010, tăng trưởng trung bình đạt 6,6%/năm, đến giai đoạn tiếp theo, tăng trưởng kinh tế đạt 6,2%/năm và cho đến thời gian gần đây 2021-2023, tăng trưởng kinh tế trung bình ước đạt 5,7%/năm.

Mặc dù nhiệm kỳ Đại hội XIII đã bước vào năm thứ ba nhưng những động lực cho tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế chưa có điểm mới có tính động lực đột phá. Đây là tín hiệu đáng

quan ngại và cần được đánh giá thấu đáo để có giải pháp vừa căn cơ, vừa kịp thời. Có thể đây là cảnh báo cho biết nền kinh tế đã chạm mức “trần thủy tinh” và nếu như điều này diễn ra khả năng vượt qua *bẫy thu nhập trung bình* sẽ không cao. Để có thể vượt qua *bẫy thu nhập trung bình* đòi hỏi phải có các chiến lược, chính sách mang tính đổi mới sáng tạo và đột phá hơn nữa.

4. Năng suất lao động đang trong xu hướng giảm; đóng góp TFP vào tăng trưởng gia tăng nhưng thiếu bền vững

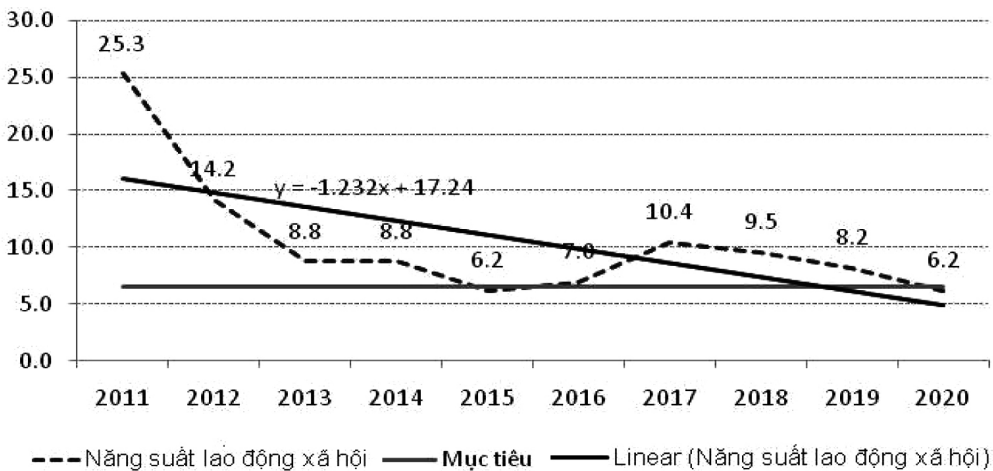
Về năng suất lao động xã hội bình quân, trong giai đoạn 2011-2020, tăng trưởng năng suất lao động xã hội có xu

hướng giảm mạnh, từ 25,3% năm 2011 xuống còn 7% năm 2016 và đến năm 2020 chỉ còn 6,2%; thấp hơn mục tiêu đề ra trong Văn kiện Đại hội Đảng XIII là 6,5%. Năng suất lao động được tính bằng số sản lượng được tạo ra trên một lao động, vì thế khi lao động tăng nhưng sản lượng không tăng nhanh bằng mà tốc độ tăng lại có xu hướng giảm, khi đó tốc độ tăng năng suất lao động xã hội sẽ giảm. Về dài hạn, năng suất lao động giảm sẽ kéo theo mức độ tăng thu nhập sẽ giảm, mức sống người dân được cải thiện chậm hơn trước đây và các vấn đề xã hội tiềm ẩn cũng có thể xuất hiện rõ ràng hơn. Việc phá vỡ “trần thủy tinh”,

vượt qua bẫy thu nhập trung bình là yêu cầu bức thiết trong chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước trong thời gian tới, vì nếu không thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình sẽ khó hiện thực hóa mục tiêu và tầm nhìn 2045.

Theo mục tiêu trong Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%. Có thể nhận thấy, đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế có sự gia tăng qua từng giai đoạn và trong giai đoạn gần đây nhất là 2016-2020, đóng góp của TFP vào tăng trưởng kinh tế đã vượt mục tiêu đề ra, đạt 45,7%.

Đồ thị 3. Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội, %

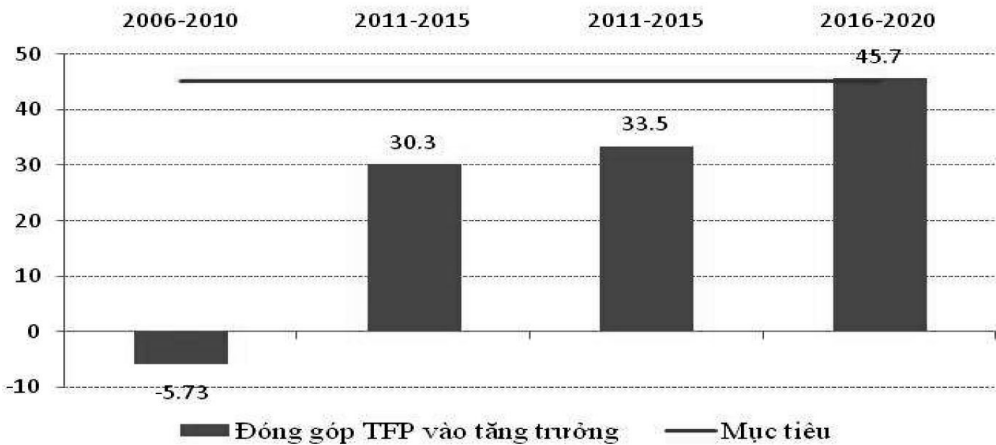


Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Điều gì giải thích đóng góp TFP cho tăng trưởng ngày một lớn nhưng tốc độ tăng trưởng trung bình qua mỗi 10 năm lại suy giảm. Tăng trưởng kinh tế suy giảm có nhiều nguyên nhân. Một trong số đó là nền kinh tế đã dựa quá nhiều vào vốn, trong khi đó việc tận dụng, khai thác vốn quá mức cho phát triển sẽ dẫn đến *điểm dừng* hay *trạng thái dừng* (steady state), vì thế khi đến mức độ nhất định, năng suất cận biên của vốn sẽ suy giảm và xu hướng tăng trưởng kinh tế sẽ suy giảm theo đó⁴. Một nền kinh tế dựa vào vốn sớm hay muộn sẽ chạm tới điểm dừng, tăng trưởng kinh tế sẽ va phải “trần thủy tinh” hay rơi vào bẫy thu nhập trung

bình. Hơn nữa, TFP không chỉ phản ánh có công nghệ thuần túy (như máy móc, công cụ, dụng cụ sản xuất hiện đại) mà TFP - trong hàm sản xuất - là Phần dư Solow, là tổng gộp của mọi yếu tố đóng góp vào sự gia tăng sản lượng ngoài đóng góp của vốn và lao động. Nói cách khác, TFP có thể phản ánh cả những cú sốc và biến động mang tính phi kinh tế như chính trị, chiến tranh bên ngoài, dịch bệnh, thiên tai... Và đóng góp của TFP cho tăng trưởng tăng có thể hàm chứa nhiều yếu tố mang tính ngẫu nhiên chứ chưa hẳn là do các chính sách thúc đẩy phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Đồ thị 4. Đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế, %



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

5. Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế theo hướng tích cực nhưng chậm so với yêu cầu của thời cuộc

Xem xét diễn biến trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế cũng sẽ thể hiện những động thái đằng sau tốc độ tăng trưởng kinh tế dương trong suốt 35 năm qua. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Tỷ trọng nông nghiệp giảm mạnh từ 41% vào những năm đầu sau Đổi mới (tính cho giai đoạn 1986-1990) xuống còn 12,7% (tính cho giai đoạn 2016-2021). Tỷ trọng sản lượng trong ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 25,4% trong các năm đầu sau Đổi mới lên 36,2% cho những năm sau này. Tỷ trọng sản lượng trong ngành dịch vụ cũng có sự gia tăng từ 33,5% lên 42,2%. Cơ cấu kinh tế dịch chuyển từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ cho thấy có sự dịch chuyển nguồn lực (lao động và vốn) từ nơi có năng suất thấp hơn (khu vực nông nghiệp) sang nơi có năng suất cao hơn (khu vực công nghiệp và dịch vụ). Vì sự dịch chuyển và phân bổ nguồn lực liên tục này trong 35 năm qua nên đã góp phần vào tăng trưởng kinh tế. Sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực sẽ tạo ra nền tảng

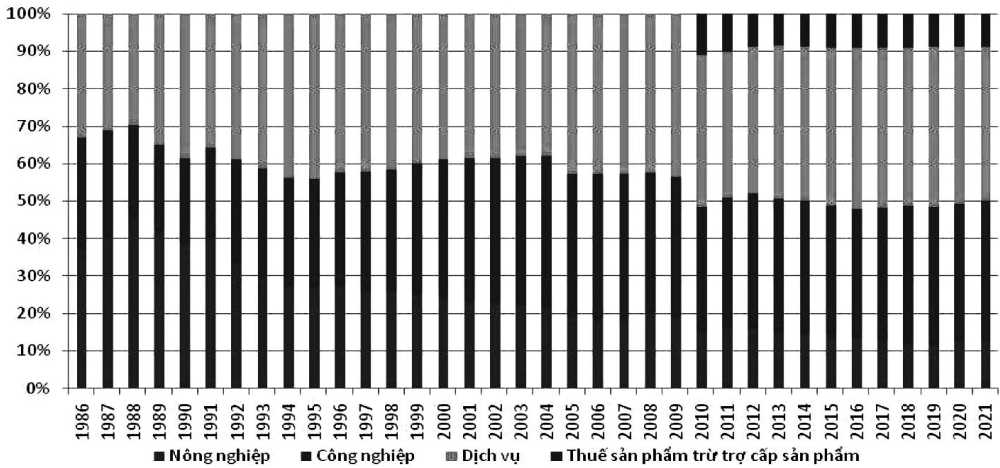
cho tăng trưởng kinh tế trong dài hạn. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế có duy trì được ở mức cao và bền vững còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố quan trọng khác nữa như *thể chế kinh tế, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghiệp, phát triển kỹ năng và nguồn nhân lực chất lượng cao*. Mặt khác, do ngành công nghiệp hỗ trợ trong nước yếu và thiếu nên hội nhập để thúc đẩy xuất khẩu thì lại đem lại lợi cho các nước mà Việt Nam nhập khẩu đầu vào. Để tận dụng tối đa lợi ích từ hội nhập, từ việc các tập đoàn đa quốc gia đang tái cấu trúc lại mạng sản xuất của họ, việc củng cố, phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ cần đẩy mạnh quyết liệt hơn.

Trong ngành công nghiệp thì có thể phân tách ra thành các ngành nhỏ hơn như ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí, cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải, công nghiệp chế biến, chế tạo. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành phản ánh đúng đắn nhất hiện trạng công nghệ và thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đi sâu hơn vào xem xét tỷ trọng ngành công

ngành chế biến, chế tạo cho thấy, tỷ trọng ngành này trong GDP tăng từ 19% năm 2006 lên tới 24,6% năm 2021. Hiện tại đang thấp hơn không đáng kể so với mục tiêu (25% GDP)

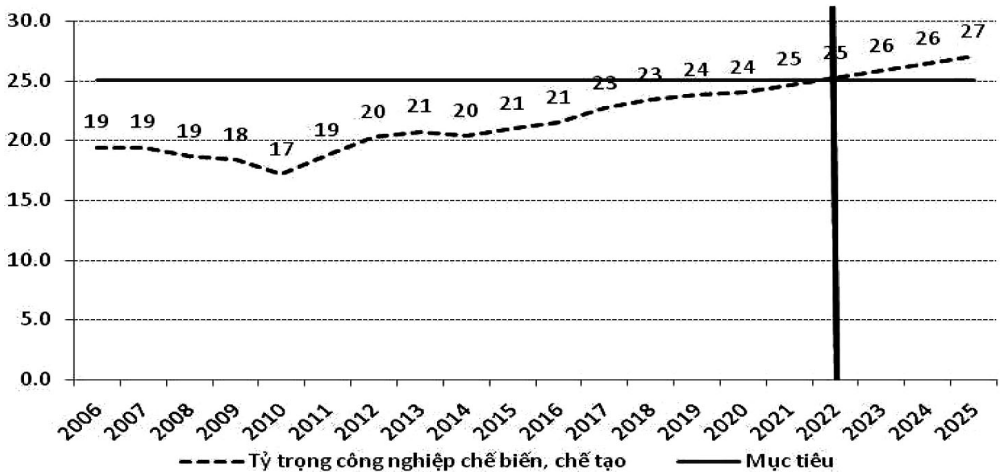
mà Đại hội XIII đề ra. Chúng tôi lấy trung bình mức độ tăng trong 10 năm qua là 0,593 điểm phần trăm để làm phép tính mô phỏng cho số liệu các năm tiếp theo, khi đấy, vào năm 2025,

Đồ thị 5. Cơ cấu kinh tế giai đoạn 1986-2021, %



Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Đồ thị 6. Tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP, %



Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP sẽ đạt 27% và mục tiêu này sẽ đạt được.

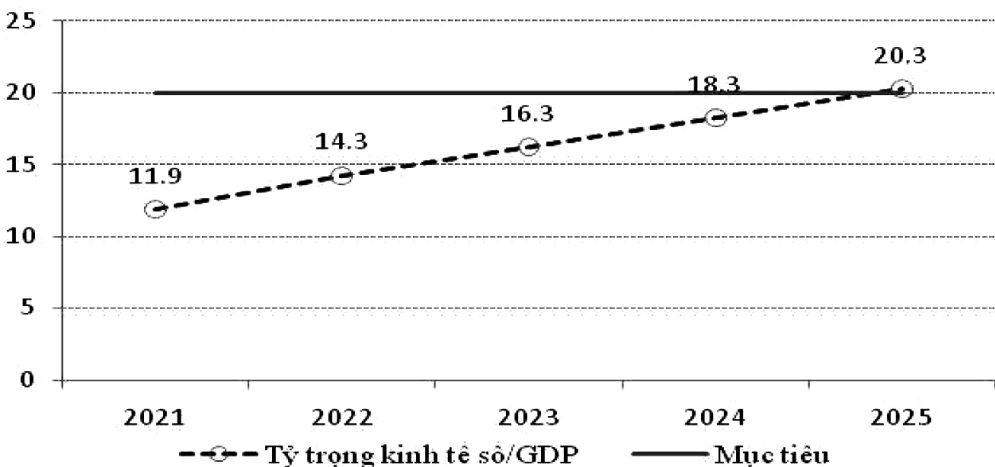
Cũng tương tự với ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; đối với khu vực kinh tế số, mục tiêu của Đại hội XIII là tỷ lệ kinh tế số đạt khoảng 20% GDP. Trong 2 năm 2021 và 2022, tỷ lệ kinh tế số trong GDP đạt tương ứng 11,9% và 14,3%. Với tốc độ tăng kinh tế số cao như hiện nay, ở mức độ khiêm tốn, giả sử hàng năm tỷ lệ kinh tế số tăng đều đặn 2 điểm phần trăm, khi đó đến năm 2025, kinh tế số đạt 20,26% GDP, hoàn toàn đạt mục tiêu đề ra. Việc đạt mục tiêu đề ra không phải là quá khó khăn và điểm quan trọng không

phải là “mức đạt” mà việc nâng cao tỷ lệ kinh tế số góp phần gì cho quản lý nhà nước, xây dựng chính phủ số, xã hội số để lan tỏa, thúc đẩy các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội khác.

6. Đánh giá khái quát một số thành công, hạn chế và nguyên nhân

Trong 35 năm Đổi mới, mở cửa và hội nhập, nền kinh tế đã đạt được một số kết quả rất quan trọng. *Thứ nhất*, tăng trưởng kinh tế luôn dương, trung bình 6,5%/năm, điều này làm tăng mức sống người dân, tạo công ăn việc làm cho người lao động, góp phần ổn định kinh tế - xã hội. *Thứ hai*, tăng trưởng quy mô nền kinh tế luôn cao hơn so với tăng trưởng dân số vì thế mức sống

Đồ thị 7. Tỷ trọng kinh tế số trong GDP, %



Nguồn: Tổng cục Thống kê

người dân được cải thiện, kéo theo đó các khoản đầu tư vào giáo dục, y tế cũng gia tăng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. *Thứ ba*, cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực, hiện đại, nguồn lực phân bổ hợp lý từ nơi có hiệu quả thấp sang nơi có hiệu quả cao. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ; và trong bản thân ngành công nghiệp cũng có sự chuyển dịch sang ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; chuyển dịch sang nền kinh tế số. *Thứ tư*, đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế có sự gia tăng.

Bên cạnh những mặt tích cực thì còn có những hạn chế trong 35 năm đổi mới, mở cửa nền kinh tế nói chung và những năm vừa qua nói riêng. *Thứ nhất*, tốc độ tăng trưởng kinh tế có xu hướng suy giảm qua các kỳ đại hội Đảng, *rất có khả năng nhiệm kỳ Đại hội XIII chúng ta không đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế do Đại hội Đảng đề ra*. *Thứ hai*, đi cùng với tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm trong dài hạn, tốc độ tăng năng suất lao động xã hội có xu hướng giảm, điều này kéo theo đó là tốc độ tăng thu nhập người dân cũng giảm. *Thứ ba*, chuyển dịch cơ cấu kinh tế tích

cực nhưng còn chậm, mô hình tăng trưởng kinh tế chậm đổi mới, vẫn chủ yếu theo chiều rộng, dựa vào khai thác tài nguyên thiên nhiên, thâm dụng lao động, phụ thuộc quá nhiều vào vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), năng suất lao động thấp, hiệu quả đầu tư không cao. *Thứ tư*, nền kinh tế mở cửa, các cú sốc nhiều hơn nhưng sức đề kháng và khả năng chống chịu của nền kinh tế chưa được chuẩn bị tốt. *Thứ năm*, mở cửa hội nhập đem lại cơ hội cho nền kinh tế nhưng việc tận dụng cơ hội chưa tốt, hiệu quả chưa cao, thu hút đầu tư nước ngoài chưa tạo ra sự liên doanh liên kết, tác động lan tỏa giúp doanh nghiệp trong nước phát triển.

Để đạt được một số kết quả tích cực trên có một số nguyên nhân sau. *Thứ nhất*, chủ trương, đường lối đúng đắn cùng sự quyết tâm cao của các nhà lãnh đạo cấp cao nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. *Thứ hai*, kiên trì việc chủ động mở cửa và hội nhập kinh tế thế giới thông qua các FTA thế hệ mới. Bên cạnh đó, còn có những nguyên nhân khách quan và chủ quan dẫn đến những kết quả hạn



Sau gần 40 năm đổi mới, kinh tế Việt Nam có sự phát triển ấn tượng _ Ảnh: ST

chế, yếu kém. Thứ nhất, bối cảnh bên ngoài bất thường, bất lợi, vượt dự báo, đại dịch Covid-19 bùng nổ từ đầu năm 2020 đã ảnh hưởng rất lớn đến các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Thêm vào đó, từ đầu năm 2022, cuộc chiến Nga - Ukraina làm giá dầu, giá lương thực, thực phẩm thế giới tăng cao, ảnh hưởng đến lạm phát tại nhiều nước và buộc các nước thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt tăng lãi suất. Thứ hai, công tác điều hành chính sách có lúc, có mặt còn chưa bài bản, thiếu tầm nhìn và vẫn xử lý tình huống mang tính ngắn hạn, cục bộ,

phối hợp giữa trung ương với địa phương chưa nhịp nhàng, hiệu quả. Thứ ba, nạn tham nhũng, tiêu cực, lãng phí làm tăng chi phí giao dịch của toàn nền kinh tế, làm giảm sức cạnh tranh của nền kinh tế quốc dân. Thứ tư, những yếu kém, khuyết tật nội tại trong nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để, năng lực tự chủ, tự cường của nền kinh tế thấp, nên mỗi cú sốc từ bên ngoài, nền kinh tế lại chịu tổn thương nghiêm trọng và thời gian phục hồi cũng lâu hơn.

7. Đề xuất một số định hướng giải pháp trọng tâm

Từ một số phân tích trên, để có thể hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nêu trong Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ XIII, tạo nền tảng vững chắc để phát triển nhanh và bền vững cho giai đoạn tiếp theo, chúng tôi đề xuất một số giải pháp sau:

Một là, kiên trì các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và ổn định kinh tế vĩ mô. Tập trung hoàn thành các công trình hạ tầng chiến lược, hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu, phục vụ tăng trưởng xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn để tạo động lực tăng trưởng mới cho nền kinh tế quốc dân. Đồng thời, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn cần được coi là điều kiện tiên quyết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, duy trì tỷ lệ lạm phát thấp, ổn định; tăng cường giám sát, sớm ổn định thị trường tài chính, hệ thống ngân hàng, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và

thị trường bất động sản...v.v.

Hai là, tăng cường hoàn thiện thể chế phát triển để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững; tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng,

khuyến khích hơn nữa đổi mới sáng tạo, tăng năng suất lao động, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; cải thiện môi trường kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, phát triển lực lượng doanh nghiệp Việt Nam.

Ba là, tập trung phát triển ngành công nghiệp và dịch vụ hỗ trợ, tận dụng hiệu quả hơn các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã ký kết để hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất hơn; tăng cường kết nối và định vị nền kinh tế tốt hơn trong mạng lưới các chuỗi sản

xuất và cung ứng toàn cầu.

Bốn là, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng lực tự chủ, khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế

Trong 35 năm Đổi mới, mở cửa và hội nhập, nền kinh tế đã đạt được một số kết quả rất quan trọng.

● **Tăng trưởng kinh tế luôn dương.**

● **Tăng trưởng quy mô nền kinh tế luôn cao hơn so với tăng trưởng dân số.**

● **Cơ cấu kinh tế dịch chuyển theo hướng tích cực, hiện đại.**

● **Đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế có sự gia tăng.**

quốc dân trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng, khó lường, giảm thiểu tổn thất trước các cú sốc bên ngoài ngày càng bất thường ■

¹ Bài viết là kết quả nghiên cứu bước đầu của tác giả phục vụ Đề tài KX.04.01/21-25 và Hội thảo khoa học do Hội đồng Lý luận Trung ương và Thành ủy TP. Hồ Chí Minh đồng tổ chức ngày 22-6-2023 tại TP. Hồ Chí Minh, đề nghị không trích dẫn, đăng tải dưới mọi hình thức.

² Theo kịch bản tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trường hợp kịch bản 1 nếu tăng trưởng năm 2023 chỉ đạt 6% sẽ gây áp lực rất lớn lên mục tiêu tăng trưởng 05 năm 2021-2025 (6,5-7%), đòi hỏi năm 2024-2025 phải đạt tăng trưởng bình quân gần 8%/năm để đạt mục tiêu 05 năm là 6,5%. Ở kịch bản 2, để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế cả năm là 6,5%, tăng trưởng kinh tế quý 2/2023 là 6,7% (bằng kịch bản Nghị quyết 01/NQ-CP) song các quý 3 và quý 4 sẽ tăng trưởng lần lượt là 7,5% và 7,9%. Đây là kịch bản rất thách thức, đòi hỏi nỗ lực, quyết tâm rất cao của cả hệ thống chính trị.

³ “Thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2020 trên phạm vi toàn quốc theo nguyên tắc gia đình cách ly với gia đình, thôn bản cách ly với thôn bản, xã cách ly với xã, huyện cách ly với huyện, tỉnh cách ly với tỉnh, phân xưởng, nhà máy sản xuất phải bảo đảm khoảng cách an toàn, đeo khẩu trang, thực hiện khử trùng, diệt khuẩn theo quy định. Yêu cầu mọi người dân ở tại nhà, chỉ ra ngoài trong trường hợp thật sự cần thiết...”

⁴ Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 2008 làm bộc lộ những yếu điểm trong nền kinh tế, cụ thể là hệ thống tài chính, ngân hàng, khu vực bất động sản thì cuộc khủng hoảng dịch tế năm 2020 làm bộc lộ điểm yếu chí tử trong hệ thống quản lý nhà nước và thể chế quản trị phát triển. Các đại án Việt Á, Chuyến bay giải cứu... là những ví dụ điển hình cho sự yếu kém này.

⁵ Ví dụ, trước đây việc khai thác than rất dễ dàng vì nhiều mỏ lộ thiên nên chi phí khai thác tương đối thấp, nhưng giờ đây việc khai thác than đòi hỏi phải đào hầm và đầu tư nhiều công nghệ khác đi kèm, do đó chi phí khai thác, sản xuất gia tăng, sản phẩm cận biên của vốn giảm xuống.

NGUỒN LỰC, ĐỘNG LỰC ĐỂ HIỆN THỰC HÓA MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC, THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

● PGS, TS ĐOÀN XUÂN THỦY

Thư ký khoa học Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin về nguồn lực, động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội

Quan điểm duy vật về lịch sử và học thuyết giá trị thặng dư đã tạo cơ sở khoa học cho C.Mác và Ph.Ăngghen xác định nguồn lực, động lực xây dựng CNXH. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định: “giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”¹. Để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản và xây dựng thành công xã hội mới, giai cấp vô sản cần được tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của đảng gồm những người cộng sản², tuy nhiên, cần phải thu hút các đảng cấp trung gian, đặc

biệt là giai cấp nông dân³. Như vậy, tất cả các yếu tố vật chất của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng yếu tố con người, đặc biệt là giai cấp công nhân phải trở thành nguồn lực cho xây dựng chủ nghĩa xã hội. Động lực chính của xây dựng chủ nghĩa xã hội là sự đấu tranh giai cấp giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

V.I.Lênin khẳng định, “sự phát triển của đại công nghiệp, của những các-ten, xanh-đi-ca, tơ-rốt tư bản chủ nghĩa và cả ở sự phát triển ghê gớm của quy mô và thế lực tư bản tài chính, đây là cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời không thể tránh khỏi của chủ nghĩa xã hội. Động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó, lực lượng thể chất thi

hành sự chuyển biến đó, là giai cấp vô sản, giai cấp đã được bản thân chủ nghĩa tư bản rèn luyện”⁴. Trong xây dựng và bảo vệ xã hội mới, dưới sự lãnh đạo đúng đắn của đảng cộng sản, giai cấp công nhân phải chủ động tích cực sử dụng hình thức nhà nước mới: nền chuyên chính vô sản. Đồng thời, giai cấp công nhân với vị trí, vai trò tiên phong trong công cuộc xây dựng xã hội mới cần phải chú trọng thu hút các giai cấp, tầng lớp xã hội khác vào xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Việc lựa chọn chính sách thu hút các giai cấp khác phải dựa trên quan điểm lập trường phương pháp luận của C.Mác, tuân thủ yêu cầu: “nghiên cứu một cách khách quan toàn bộ những mối liên hệ qua lại giữa các giai cấp trong một xã hội nhất định, không trừ một giai cấp nào, và do đó, hiểu biết được trình độ phát triển khách quan của xã hội ấy và những mối liên hệ qua lại giữa xã hội ấy với những xã hội khác, thì mới có thể có cơ sở cho một sách lược đúng của giai cấp tiên phong được.

V.I.Lênin cho rằng, “chỉ có sự liên kết chặt chẽ nhất của tất cả các lực lượng cách mạng của giai cấp vô sản: 1) mới

làm cho giai cấp vô sản trở thành một chiến sĩ tiên phong mở đường tiến tới chủ nghĩa xã hội; 2) mới làm cho giai cấp vô sản có khả năng trở thành lãnh tụ của phái dân chủ Nga trong cuộc đấu tranh chống tất cả những tàn dư của một chế độ nửa phong kiến và chống di sản của chế độ Nga hoàng; 3) mới giúp cho giai cấp vô sản đưa cuộc cách mạng tới đích và giải quyết hoàn toàn các vấn đề: chiến tranh và hòa bình, tịch thu ruộng đất, ngày làm 8 giờ,... việc đoàn kết các lực lượng, rất cần thiết cho giai cấp vô sản”⁵.

Trong số các nguồn lực con người cần thu hút vào xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước tiểu nông, V.I.Lênin nhận thức rõ rằng bên cạnh giai cấp vô sản có “những nông dân sống bằng sức lao động của mình chứ không bằng bóc lột lao động của người khác”⁶, từ đó tiếp tục kiên định quan điểm của C.Mác: “Nhiệm vụ của chúng ta đối với tiểu nông, trước hết, sẽ là hướng sản xuất tư nhân và tài sản tư hữu của họ vào con đường làm ăn hợp tác, không phải bằng cách cưỡng bức mà bằng cách nêu gương và bằng cách đề ra biện pháp xã hội giúp đỡ để thực hiện mục đích ấy”⁷.

V.I.Lênin chia sẻ kinh nghiệm với các dân tộc phương Đông đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa về vai trò của việc tập hợp lực lượng cho xây dựng và bảo vệ xã hội mới: sau khi thắng chủ nghĩa tư bản, những người vô sản đoàn kết với số quần chúng tản mạn gồm hàng triệu nông dân lao động, đã nổi dậy chống ách áp bức thời trung cổ đó và đã thắng ách đó⁸. Bên cạnh đó, V.I.Lênin rất chú trọng việc thu hút và sử dụng các chuyên gia tư sản.

V.I.Lênin tiếp tục kiên định quan điểm của chủ nghĩa Mác về chủ nghĩa xã hội phải dựa trên trình độ phát triển mới nhất của nhân loại, trước hết về kinh tế và những yếu tố có vai trò thúc đẩy phát triển trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể. Những nguồn lực phát triển kinh tế mà chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cần được kế thừa và đẩy nhanh phát triển, đặc biệt là các nguồn lực vật chất và con người của quá trình tái sản xuất và phát triển xã hội. V.I.Lênin khẳng định: “Không có kỹ thuật đại tư bản chủ nghĩa được xây dựng trên những phát minh mới nhất của khoa học hiện đại, không có một tổ chức nhà nước có kế hoạch khiến cho hàng chục triệu

người phải tuân theo hết sức nghiêm ngặt một tiêu chuẩn thống nhất trong công việc sản xuất và phân phối sản phẩm, thì không thể nói đến chủ nghĩa xã hội được”⁹. (3) Nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa, với “hình thức gia đình mới, những điều kiện mới cho địa vị của phụ nữ và cho việc giáo dục những thế hệ trẻ”¹⁰, “nền giáo dục sẽ kết hợp lao động sản xuất với học tập và thể dục cho tất cả các trẻ em trên một hạn tuổi nào đó, nó không phải chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm sản xuất xã hội mà còn là một phương pháp duy nhất để tạo ra những con người phát triển toàn diện”¹¹...

Kế thừa quan điểm của C.Mác về “động lực thực sự của lịch sử là cuộc đấu tranh cách mạng của các giai cấp”¹², V.I.Lênin khẳng định: “Chỉ có quần chúng, tức là giai cấp vô sản lôi cuốn giai cấp nông dân đi theo họ, mới là động lực giải quyết mâu thuẫn”¹³ trong cách mạng vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội, động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến xã hội tư bản chủ nghĩa thành xã hội xã hội chủ nghĩa, lực lượng thể chất thi hành sự chuyển biến đó, là “giai cấp vô sản, giai cấp đã được bản thân chủ nghĩa tư bản rèn luyện”¹⁴. Trên

cơ sở đó, V.I.Lênin đã có những sáng tạo trong việc xác định động lực cách mạng gắn với bối cảnh cụ thể: “Chúng ta đã xác định một cách hoàn toàn đúng những động lực của cách mạng... Trước đây, phong trào quần chúng chỉ bao gồm có giai cấp vô sản và nông dân mà thôi... Nhưng hiện nay tình hình đã khác đi rồi. Cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa đã chia rẽ giai cấp tư sản châu Âu, và kết quả là... Chúng ta có đồng minh, đó chẳng những là giai cấp tư sản Nga, mà cả các nhà tư bản Anh - Pháp nữa”¹⁵. Trong lĩnh vực kinh tế V.I.Lênin cho rằng có thể biến tô nhượng “thành động lực đem lại cho chúng ta một thắng lợi nhanh chóng hơn trong cuộc chiến tranh kinh tế sắp tới”¹⁶...

2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguồn lực, động lực phát triển đất nước

Để thực hiện mục tiêu cải thiện và không ngừng nâng cao đời sống nhân dân, cần phải có lực lượng nhất định. Lực lượng đó phải là toàn thể nhân dân, trong đó đặc biệt là lực lượng sản xuất chủ yếu của xã hội, bao gồm giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động. “Chủ nghĩa xã hội là nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hoá của nhân dân và do nhân dân tự xây dựng

lấy. Muốn đạt mục đích đó, thì nhân dân ta phải ra sức *thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm*”¹⁷. “Xây dựng chủ nghĩa xã hội tức là xây dựng đời sống no ấm và hạnh phúc cho nhân dân. Muốn ăn quả thì phải trồng cây. Muốn có quả ngon thì phải ra sức săn sóc cho cây tốt. Muốn xây dựng thắng lợi chủ nghĩa xã hội thì nhân dân ta phải nâng cao *tinh thần làm chủ*. Mọi người phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ: *cần kiệm xây dựng nước nhà, xây dựng chủ nghĩa xã hội*”¹⁸. Bác cũng chỉ rõ: “Làm chủ sao cho ra làm chủ, không phải làm chủ là muốn ăn bao nhiêu thì ăn, muốn làm bao nhiêu thì làm. Làm chủ nghĩa là phải làm sao cho... sản xuất được nhiều”¹⁹. Nguồn lực và động lực xây dựng CNXH ở Việt Nam theo Hồ Chủ tịch rất đa dạng, trong đó, “*người lao động là vốn quý nhất*”²⁰. “*Miền Bắc nước ta đã hoàn toàn giải phóng. Rừng vàng, biển bạc là của ta, do nhân dân ta làm chủ. Đồng bào ta đoàn kết, siêng năng. Đảng ta kiên quyết, Chính phủ ta trong sạch, Đảng và Chính phủ một lòng vì nước, vì dân*”²¹.

3. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nguồn lực, động lực phát triển đất nước

Trước khi đổi mới kinh tế ở Việt Nam, nền kinh tế của Việt Nam có trình độ thấp, vận hành theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung trong bối cảnh bao vây, cấm vận, các nguồn lực phát triển kinh tế chủ yếu được nhìn nhận theo hình thức hiện vật. Kể từ khi đổi mới, với sự hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, nguồn lực được hiểu theo nghĩa rộng hơn, bao gồm vốn, tài nguyên thiên nhiên, lao động, khoa học công nghệ. Đảng ta đã có nhận thức rõ ràng, thống nhất về các nguồn lực, vai trò của các nguồn lực và tương tác giữa các nguồn lực này trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội đất nước, đặc biệt là từ khi thực hiện đổi mới đến nay.

Đặc biệt, trong các nguồn lực phát triển quan trọng, Đảng ta luôn nhấn mạnh vào việc chăm lo phát triển nguồn nhân lực, khẳng định mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là “vì con người, do con người”. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX khẳng định “nguồn lực con người là yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững”. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 – 2020 được

thông qua tại Đại hội XI cũng nêu rõ: “Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một *đột phá chiến lược*, là yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững”. Báo cáo chính trị tại Đại hội XII của Đảng (2016), các nguồn lực cơ bản và quan trọng tiếp tục được đề cập trọng tâm trong định hướng đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế: “nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững”²². “Khai thác, sử dụng và quản lý hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; chủ động phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu”²³.

Quá trình đổi mới nhận thức tư duy về nguồn lực và động lực phát triển đất nước gắn liền với sự đổi mới tư duy về

quản lý kinh tế. Việc vận dụng kinh tế thị trường vào quá trình sản xuất, trao đổi và tiêu dùng đã tạo ra động lực lớn lao cho phát triển kinh tế - xã hội. Ở giai đoạn đầu đổi mới, cơ chế kế hoạch hoá mặc dù vẫn còn là cơ chế quản lý chủ đạo nhưng Đảng đã nhận thấy cơ chế này cần được đổi mới về cả nội dung và phương pháp, trong đó: “phải vận dụng đúng đắn và rộng rãi quan hệ hàng hóa - tiền tệ, quan hệ thị trường trong công tác kế hoạch hoá”²⁴. Kể từ Đại hội VII, nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần đã được xác nhận một cách dứt khoát là “Nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác”. Vai trò của thị trường và vai trò của nhà nước trong phân bổ nguồn lực cũng được phân định: “Thị trường trực tiếp hướng dẫn các doanh nghiệp lựa chọn lĩnh vực hoạt động, mặt hàng, quy mô, công nghệ và hình thức tổ chức sản xuất - kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất trong môi trường hợp tác và cạnh tranh”. Nhà nước thực hiện vai trò quản lý vĩ mô và cũng là một chủ thể quản lý, phân bổ nguồn lực nhà nước cho sự phát

triển. Cụ thể: Nhà nước “Tạo môi trường và điều kiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Dẫn dắt và hỗ trợ những nỗ lực phát triển thông qua kế hoạch và các chính sách kinh tế, sử dụng có trọng điểm các nguồn tài lực tập trung và lực lượng dự trữ; Quản lý và kiểm soát việc sử dụng tài sản quốc gia nhằm bảo tồn và phát triển các tài sản đó, trong đó có bộ phận tài sản giao cho kinh tế quốc doanh”.

Những bước tiến mới trong nhận thức của Đảng về động lực phát triển dựa vào thị trường tiếp tục được thể hiện qua các kỳ Đại hội VIII, IX và X. Đó là nhận thức về vai trò của cơ chế thị trường trong giải phóng sức sản xuất xã hội, về sự cần thiết của việc hoàn thiện thị trường các yếu tố sản xuất để phân bổ có hiệu quả các nguồn lực quan trọng này và vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường. Đại hội VIII khẳng định “Thị trường có vai trò trực tiếp hướng dẫn các đơn vị kinh tế lựa chọn lĩnh vực hoạt động và phương án tổ chức sản xuất kinh doanh”. Đại hội IX nhấn mạnh sự cần thiết “Thúc đẩy sự hình thành, phát triển và từng bước hoàn thiện các loại thị trường theo định

hướng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ”. Đại hội lần thứ IX của Đảng yêu cầu phải: “Đổi mới và hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ mọi trở ngại về cơ chế, chính sách và thủ tục hành chính để huy động tối đa mọi nguồn lực, tạo sức bật mới cho phát triển sản xuất, kinh doanh của mọi thành phần kinh tế với các hình thức sở hữu khác nhau. Mọi doanh nghiệp, mọi công dân được đầu tư kinh doanh theo các hình thức do luật định và được pháp luật bảo vệ. Mọi tổ chức kinh doanh theo các hình thức sở hữu khác nhau hoặc đan xen hỗn hợp đều được khuyến khích phát triển lâu dài, hợp tác cạnh tranh bình đẳng và là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”²⁵ Đại hội X và XI xác định rõ hơn các chức năng cơ bản của nhà nước là: “Định hướng sự phát triển bằng các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và cơ chế, chính sách trên cơ sở tôn trọng các nguyên tắc của thị trường... Tạo môi trường pháp lý và

cơ chế, chính sách thuận lợi để phát huy các nguồn lực của xã hội cho phát triển... Hạn chế các rủi ro và tác động tiêu cực của cơ chế thị trường”. Bước chuyển biến căn bản về tư duy điều hành nền kinh tế của nhà nước và nhận thức của xã hội về vai trò của cơ chế thị trường trong phân bổ các nguồn lực phát triển được thể hiện ở Đại hội XII khi lần đầu tiên, Đảng khẳng định một cách chính thức trong văn kiện: “thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường”²⁶. Kết luận của Hội nghị trung ương 4 khoá XII về thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo nghị quyết Đại hội XII tiếp tục nhấn mạnh: “huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực theo tín hiệu và cơ chế thị trường”²⁷. Để làm được việc này cần: “đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện 3 đột phá chiến lược. Theo đó, tăng cường đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa... Phát triển đồng bộ và lành mạnh các loại

thị trường, nhất là thị trường lao động, thị trường khoa học - công nghệ, thị trường tài chính - tiền tệ, thị trường bất động sản...”²⁸. Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (tháng 5/2017) Về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã viết: “Thực hiện bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố đầu vào của doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế. Hoàn thiện và thực thi có hiệu quả các quy định của pháp luật về công khai, minh bạch trong tiếp cận các nguồn lực công, mua sắm và đầu tư công. Tăng cường tính minh bạch đối với độc quyền nhà nước; kiểm soát, ngăn chặn, xóa bỏ độc quyền doanh nghiệp. Hoàn thiện thể chế phân bổ nguồn lực theo cơ chế thị trường vào những ngành, lĩnh vực và địa bàn đạt hiệu quả cao, có tác động lan tỏa”²⁹. Nghị quyết số 39-NQ/TW, khóa XII, tiếp tục khẳng định: áp dụng nguyên tắc thị trường trong quản lý, khai thác, sử dụng các nguồn lực cho phát triển.

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, Đại hội XIII của Đảng nhận định “Thể chế kinh tế thị trường định

hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, bất cập. Năng lực xây dựng thể chế còn hạn chế; chất lượng luật pháp và chính sách trên một số lĩnh vực còn thấp. Môi trường đầu tư kinh doanh chưa thực sự thông thoáng, minh bạch. Chưa tạo được đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển”³⁰. “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước”³¹. “Các nguồn lực, tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chưa được phát huy tốt”³². “chưa tạo được nhiều cơ chế, chính sách, giải pháp có tính đột phá, đồng bộ để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp, huy động mọi nguồn lực cho phát triển”³³.

Từ thực tiễn công cuộc đổi mới, trực tiếp là 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XII, Đảng rút ra bài học kinh nghiệm: “phát huy mọi nguồn lực, động lực và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa”³⁴, “đánh giá đúng xu thế, nắm bắt đúng thời cơ; phát huy hiệu quả sức mạnh tổng hợp của đất nước kết hợp với sức mạnh của thời đại; khai

thác, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới”³⁵.

Đánh giá thành tựu 35 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, Đảng ta khẳng định: “Đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, phát triển mạnh mẽ, toàn diện so với những năm trước đổi mới. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên. Đời sống nhân dân cả về vật chất và tinh thần được cải thiện rõ rệt. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Đây là niềm tự hào, là động lực, nguồn lực quan trọng, là niềm tin để toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, tiếp tục vững bước trên con đường đổi mới toàn diện, đồng bộ; phát triển nhanh và bền vững đất nước”³⁶. Trên cơ sở đó, Đại hội XIII đã nêu ra quan điểm chỉ đạo: “Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và của nền văn hoá, con

người Việt Nam, bồi dưỡng sức dân, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, có cơ chế đột phá để thu hút, trọng dụng nhân tài, ứng dụng mạnh mẽ khoa học và công nghệ, nhất là những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững đất nước. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; nêu cao ý chí độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập và nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, trong đó nguồn lực nội sinh, nhất là nguồn lực con người là quan trọng nhất”³⁷.

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 nêu rõ, phải “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. (2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ

và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia; phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; gắn kết hài hòa, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”³⁸.

Đảng khẳng định, phải “Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế, chuyển mạnh nền kinh tế sang mô hình tăng trưởng dựa trên tăng năng suất, tiến bộ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhân lực chất lượng cao, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực để nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế”³⁹; “Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư, nhất là đầu tư công.

Cơ cấu lại, phát triển lành mạnh các loại thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất để huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực”⁴⁰; “Xây dựng cơ chế đẩy mạnh huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực xã hội, đa dạng hoá hình thức đầu tư trong lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng”⁴¹; “Các nguồn lực kinh tế của Nhà nước được sử dụng phù hợp với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển đất nước và cơ bản được phân bổ theo cơ chế thị trường”⁴²; “Thị trường đóng vai trò quyết định trong xác định giá cả hàng hóa, dịch vụ; tạo động lực huy động, phân bổ hiệu quả các nguồn lực”⁴³; “Phát triển thị trường các yếu tố sản xuất để thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực”⁴⁴; “Tăng cường đầu tư phát triển khoa học và công nghệ theo cơ chế thị trường trên cơ sở huy động hợp lý nguồn lực từ Nhà nước, doanh nghiệp và các cá nhân”⁴⁵; “Phát triển một số ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn, trực tiếp góp phần giải quyết các vấn đề cấp bách, phù hợp với điều kiện, nguồn lực của đất nước”⁴⁶; “Tăng cường đầu tư, khai thác và phát huy tối đa các nguồn lực văn hóa”⁴⁷;

“đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội”⁴⁸; “Đổi mới cơ chế, huy động phân bổ và đa dạng hoá các nguồn lực thực hiện chính sách xã hội phù hợp với nhu cầu, lợi ích của các tầng lớp dân cư, nhóm xã hội, bảo đảm bình đẳng về cơ hội phát triển, nhất là với lao động khu vực phi chính thức. Hoàn thiện và thực hiện tốt luật pháp, chính sách đối với người có công trên cơ sở nguồn lực của Nhà nước và xã hội, bảo đảm người có công và gia đình có mức sống từ trung bình khá trở lên trong địa bàn cư trú”⁴⁹; “Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, ưu tiên đưa lao động kỹ thuật có tay nghề đi làm việc ở những thị trường có thu nhập cao, an toàn và tiếp tục phát huy nguồn lực này sau khi về nước trên cơ sở bảo đảm cơ cấu, chất lượng nguồn nhân lực trong nước”⁵⁰.

Như vậy, Cùng với tiến trình đổi mới, chúng ta đã chuyển từ nền kinh

tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHHCN), trong đó, đã từng bước đổi mới tư duy, nhận thức về nguồn lực, động lực và việc huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực phát triển, tạo dựng các động lực phát triển của nền kinh tế. Bên cạnh những nguồn lực thể hiện dưới hình thái hiện vật với vai trò là những yếu tố cơ bản quan trọng hàng đầu của nền sản xuất xã hội nói chung, đã hình thành và có vai trò ngày càng lớn các nguồn lực mới từ các lĩnh vực ngoài kinh tế và các nguồn lực từ sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Bên cạnh những động lực cơ bản phản ánh những lợi ích của các giai cấp, giai tầng, nhóm xã hội, đã hình thành những động lực mới với sự chuyển hóa từ các nguồn lực có vai trò thúc đẩy phát triển trong từng bối cảnh lịch sử cụ thể của từng giai đoạn xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc ■

^{1,2} C.Mác và Ph. Ăng-ghe-n: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.605, 614-615.

- ³ C.Mác và Ph. Ăngghen: *Toàn tập*, t.22, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.736.
- ^{4, 7, 10, 11, 14} V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.26, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.86-87, 90, 87, 88, 86-87.
- 5 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.32, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.145.
- 6 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.36, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.499.
- 8 Xem: V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.39, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.372.
- 9 V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.43, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.253.
- 12 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.334.
- 13 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.21, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.34.
- 15 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.31, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.295-296.
- 16 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.42, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.95.
- ^{17, 18, 19} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.13, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.387, 293, 387.
- ²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.11, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.591.
- ²¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, tr.504.
- ²² *Báo cáo chính trị của BCHTW khóa XI trình bày tại Đại hội XII của Đảng*, tr.30, truy cập tại <http://baochinhphu.vn/Dua-Nghi-quyet-Dai-hoi-XII-cua-Dang-va-cuoc-song/Cong-bo-van-kien-Dai-hoi-XII-cua-Dang/250536.vgp>.
- ²³ *Văn kiện Đại hội lần thứ XII của Đảng*, Tài liệu đã dẫn, tr.22.
- ²⁴ *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI*, năm 1986.
- ²⁵ *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.721.
- ²⁶ *Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, tr.103.
- ²⁷ ĐCSVN: *Kết luận của Hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ tư khóa XII*, <http://dantri.com.vn/chinh-tri/toan-van-phat-bieu-be-mac-hoi-nghi-trung-uong-4-khoa-xii-20161014154916592.htm>, tr.4.
- ²⁸ *Kết luận của Hội nghị trung ương 4, khóa XII*, tài liệu đã dẫn, tr.4.
- ²⁹ *Báo Hà Nội* mới ngày 5/6/2017.
- ^{30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50} ĐCSVN: *Văn kiện đại hội lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.80, 84, 88, 94, 97, 98, 103-104, 110-111, 114-115, 120-121, 121, 127, 129, 131, 133, 141, 141-142, 146, 148, 148-149, 149-150.



MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH BÌNH PHƯỚC NHIỆM KỲ 2020-2025 THỜI GIAN QUA

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025 được tổ chức vào đầu tháng 10/2020 đã thành công tốt đẹp, để nhanh chóng đưa Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh vào cuộc sống, Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chương trình, kế hoạch hành động thực hiện nghị quyết. Ngày 30/9/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 17-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh để thực hiện 4 nhiệm vụ trọng tâm, 4 nhiệm vụ ưu tiên, 3 chương trình đột

phá và 15 chỉ tiêu cơ bản; thành lập 13 Ban chủ nhiệm các chương trình để triển khai thực hiện và thành lập ban chỉ đạo lập quy hoạch tỉnh. Kết quả đã ban hành 58 chủ trương, chính sách trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội một cách thiết thực, sát với chủ trương, đường lối của Đảng và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương nhằm quyết tâm đưa Bình Phước chuyển từ vị trí “dự trữ phát triển” thành một động lực phát triển thực sự trong vùng Đông Nam Bộ.

Sau nửa nhiệm kỳ Đại hội, Bình Phước đã tạo được bút phá trong phát triển với những kết quả nổi bật trên các lĩnh vực, đó là:

Thứ nhất, cơ cấu lại nền kinh tế của tỉnh theo hướng tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và giá trị gia tăng cao.

Phát triển công nghiệp là trung tâm, theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như công nghiệp chế biến, trọng tâm là chế biến hạt điều, gỗ và thực phẩm¹; công nghiệp chế tạo; công nghiệp hỗ trợ; năng lượng tái tạo; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng; công nghệ thông tin. Theo đó tỉnh Bình Phước xác định mục tiêu đến năm 2025 phát triển 8.290 ha khu công nghiệp, 25.864 ha khu kinh tế, 730 ha cụm công nghiệp, đồng thời phấn đấu đến năm 2030 phát triển 11.522 ha khu công nghiệp, 25.864 ha khu kinh tế, 1.279 ha cụm công nghiệp. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 18 khu công nghiệp, dự kiến đến năm 2030 có 32 cụm khu công nghiệp được quy hoạch trên diện tích 1.827,41ha.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2023 ước thực hiện là 7,92%, (mục tiêu là 9-10%/năm). Phát triển thương mại, dịch vụ, ưu tiên cho thương mại điện tử, thương mại biên giới để làm cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu

dùng, kịp thời phục vụ đời sống Nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực phân phối, bán lẻ, vận tải, logistics, tài chính, ngân hàng, thông tin và truyền thông... Phấn đấu mục tiêu đến năm 2025 tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và dịch vụ tiêu dùng đạt khoảng 79.235 tỉ đồng; thương mại hiện đại chiếm khoảng 25%; giao dịch qua kênh thương mại điện tử chiếm 5%; tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 13,3%; tăng trưởng tổng kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 11%. Kết quả kim ngạch xuất khẩu ước thực hiện năm 2023 đạt 4,15 tỷ USD, đạt 83% kế hoạch. Dự kiến, đến năm 2025 kim ngạch xuất khẩu ước đạt 5 tỷ USD, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu so với Nghị quyết Đại hội đề ra.

Bình Phước là tỉnh có diện tích lớn trồng các loại cây công nghiệp, cây đặc sản có giá trị, chủ yếu là cao su (245.100 ha), hồ tiêu (13.550 ha), cây điều (152.100 ha), từ thực tiễn nêu trên, tỉnh đã chủ trương phát triển nông nghiệp theo hướng, vững chắc, hiệu quả, chuyển đổi cơ cấu cây trồng dựa trên ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ. Mục tiêu là đến năm 2025 hình

thành 01 đến 02 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ với diện tích từ 100 - 2.000 ha. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân đổi mới sáng tạo, chuyển giao, ứng dụng và phát triển khoa học, công nghệ; đầu tư nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ sinh học, lai tạo giống, vật liệu mới, thông tin, tự động hoá, công nghệ số... hình thành nên những sản phẩm riêng có gắn với “Chương trình mỗi xã, phường một sản phẩm” (gọi tắt là OCOP). Phát huy các lợi thế so sánh và chuỗi giá trị, phát triển cụm, ngành, sản xuất hàng hóa tập trung, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nông thôn; kết nối nông thôn với đô thị; gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; sản xuất với bảo quản, chế biến, xây dựng thương hiệu và tiêu thụ sản phẩm.

Thứ hai, tập trung thực hiện ba đột phá chiến lược về kết cấu hạ tầng, phát triển nguồn nhân lực và cải cách thủ tục hành chính.

Với quan điểm “Giao thông đi trước một bước” tạo động lực kết nối vùng, tỉnh, tỉnh được Trung ương thuận chủ trương đầu tư những dự án giao thông trọng điểm như: Tuyến đường bộ cao

tốc Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành (Bình Phước); Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành; dự án đường Đồng Phú - Bình Dương;... đổi mới phương thức huy động, khơi thông, kết nối nguồn lực “lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư”, tiết kiệm chi thường xuyên, tăng chi đầu tư phát triển gắn với đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021 - 2023 khoảng 90.968 tỷ đồng, ước đạt 49,17%... Hệ thống kết cấu hạ tầng được ưu tiên đẩy nhanh xây dựng, hiện đại hóa đã thúc đẩy liên kết vùng, tổ chức không gian phát triển theo 3 vùng, 3 trục động lực tạo nên những hành lang, không gian phát triển mới, với kiến tạo cảnh quan - kiến trúc công trình mang dấu ấn bản sắc địa phương.

Nguồn nhân lực chất lượng cao được xem là yếu tố quan trọng, nòng cốt bảo đảm cho phát triển, hội nhập sâu rộng, bền vững, ổn định trong điều kiện mới, là một trong những điểm đột phá mà tỉnh Bình Phước luôn quan tâm thực hiện. Trong nửa nhiệm kỳ Đại hội, tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương để cụ thể hóa các chỉ tiêu Nghị quyết đề ra, trong đó đặc biệt chú trọng việc thu hút nguồn nhân lực về

công nghệ thông tin phục vụ cho quá trình chuyển đổi số trên địa bàn; tăng cường năng lực đào tạo của các cơ sở giáo dục công lập, như tái cấu trúc Trường Cao đẳng Bình Phước để làm nòng cốt cho công tác đào tạo nghề của tỉnh; phát triển hệ thống giáo dục ngoài công lập theo hình thức xã hội hóa, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư phát triển giáo dục, đào tạo trong tất cả các cấp học, trình độ đào tạo theo đúng quy định của pháp luật. Ước đến hết năm 2023, tỷ lệ lao động qua đào tạo là 65% (mục tiêu đề ra là 70%). Phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 30%; thu hút ít nhất 01 phân hiệu đại học với quy mô đào tạo từ 1.000 sinh viên/năm² và đến năm 2030 sẽ tiếp tục thành lập thêm một phân hiệu với quy mô trên 1.000 sinh viên.

Cải cách thủ tục hành chính được tỉnh đặc biệt quan tâm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp; xây dựng nền công vụ liêm chính, minh bạch; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nâng cao tính tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh

xã hội hoá dịch vụ công nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp, hiện nay, tỉnh đã có 1.432 dịch vụ công kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia, đứng đầu so với cả nước và xếp hạng 9/63 tỉnh, thành phố về chuyển đổi số; từ đó tạo chuyển biến căn bản trong nhận thức của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, doanh nghiệp nhằm thu hút đầu tư vào tỉnh và phục vụ người dân thiết thực, kịp thời. Bên cạnh đó, tỉnh quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin toàn diện, đồng bộ, đáp ứng yêu cầu, lộ trình chuyển đổi số với mục tiêu xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, phát triển xã hội số là những bước cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng trên địa bàn tỉnh tạo tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh từng địa phương trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

Thứ ba, nâng cao vai trò quản lý của Nhà nước, xây dựng các chính sách phù hợp, tác động tích cực vào phát triển.

Xây dựng, hoàn thiện các chủ trương, chính sách phát triển kinh tế, xã hội một cách đồng bộ, toàn diện là nhiệm vụ ưu tiên của tỉnh. Thời gian qua, việc rà soát, sửa đổi, bổ

sung những chính sách còn bất cập được tình quan tâm thực hiện, nhất là việc xác định về nguồn lực tài nguyên, đất đai là nguồn lực quan trọng phục vụ phát triển đất nước, bảo đảm an sinh xã hội, tăng nguồn thu ngân sách Nhà nước, góp phần ổn định tài chính vĩ mô.

Việc đẩy mạnh hợp tác công - tư; tăng cường thu hút đầu tư từ khu vực kinh tế tư nhân và vốn đầu tư nước ngoài được thực hiện tốt, nhất là việc mở rộng quan hệ hợp tác với các doanh nghiệp của Nhật Bản, Hàn Quốc, Hong Kong, Đài Loan, Úc, New Zealand,... qua các hoạt động ngoại giao, xúc tiến đầu tư; quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Bình Phước với các tỉnh giáp biên thuộc Vương quốc Campuchia và một số tỉnh Nam Lào được thực hiện có hiệu quả; đồng thời đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã; nâng cao hiệu quả đầu tư công theo hướng có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các khâu đột phá, phần đầu giai đoạn 2021-2025 thu hút tổng vốn đầu tư toàn xã hội dự kiến khoảng 210.000 tỷ đồng. Trong đó, huy động từ khu vực kinh tế tư nhân

(kể cả xã hội hóa và đầu tư theo phương thức PPP) khoảng 120.000 tỷ đồng, đạt 57,2% tổng vốn đầu tư toàn xã hội; vốn đầu tư nước ngoài khoảng 50.000 tỷ đồng (tương đương 2,2 tỷ USD), chiếm tỷ lệ 23,8% tổng vốn đầu tư toàn xã hội.

Thứ tư, phát triển văn hóa, xã hội, giáo dục, đào tạo, y tế, với quan điểm, mỗi người dân Bình Phước là động lực để phát triển.

Trong nửa đầu nhiệm kỳ, tỉnh đã ban hành 06 chủ trương, định hướng về phát triển văn hóa - xã hội, giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới. Trong đó, xác định xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển. Khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, niềm tự hào, niềm tin, khát vọng phát triển của người dân Bình Phước. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, truyền thống cách mạng; nâng cao chất lượng sáng tác văn học, nghệ thuật. Xây dựng môi trường văn hóa, đạo đức, xã hội lành mạnh, không ngừng cải thiện toàn diện đời sống văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Đổi mới, nâng cao chất lượng Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”³. Chăm lo công tác phát triển thanh niên, bình đẳng giới, giáo dục, bồi dưỡng và bảo vệ trẻ em, thiếu niên, nhi đồng. Quản lý hiệu quả và tạo điều kiện cho các tổ chức tôn giáo sinh hoạt đúng pháp luật. Huy động các nguồn lực cho công tác giảm nghèo bền vững, phấn đấu giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số mỗi năm từ 1,5 - 2%⁴.

Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo theo hướng phát triển con người toàn diện, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Các chương trình giáo dục phổ thông được triển khai thực hiện nghiêm túc, đúng lộ trình; chất lượng giáo dục ở các cấp học từng bước được nâng lên, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có nhiều chuyển biến tích cực. Đặc biệt, việc triển khai dạy học song ngữ Việt - Anh trong trường phổ thông trên địa bàn tỉnh đang được triển khai có hiệu quả⁵.

Hệ thống y tế trong tỉnh, nhất là y tế cơ sở, đáp ứng yêu cầu sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống diễn biến của dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám,

chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; đẩy mạnh xã hội hoá về y tế. Thực thi hiệu quả chính sách dân số và phát triển, nâng cao chất lượng dân số, bảo đảm mức tăng dân số hợp lý và cân bằng giới.

Thứ năm, xây dựng quốc phòng, an ninh vững mạnh, mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo vệ vững chắc chủ quyền, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội được tỉnh rất quan tâm, Trong đó, chủ động xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, quy hoạch đất quốc phòng, xây dựng các công trình chiến đấu, công trình phòng thủ theo lộ trình tỉnh đề ra; giữ vững ổn định chính trị, an ninh quốc gia, an ninh tuyến biên giới, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh con người; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương; nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; gắn với xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang trong tỉnh chính quy, tinh nhuệ, vững mạnh về mọi mặt. Phát triển các điểm dân cư liên kế chốt dân quân biên giới và đồn, trạm biên phòng để hình

thành các khu dân cư biên giới; vùng lõi căn cứ hậu cần, kỹ thuật cấp tỉnh, cấp huyện.

Là tỉnh có đường biên giới dài, giáp với một số tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia, nên công tác biên phòng, đối ngoại được tỉnh quan tâm, luôn phát huy sự đoàn kết, giữ gìn, phát triển quan hệ hợp tác, hữu nghị, truyền thống với các tỉnh giáp biên của Campuchia và các tỉnh phía Nam nước bạn Lào. Phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại trong huy động các nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển của tỉnh, trong đó có các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ...

Thứ sáu, công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch vững mạnh, được Đảng bộ tỉnh quan tâm thực hiện đạt hiệu quả.

Đã làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức chính trị cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân nhằm tạo sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và toàn xã hội; công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc, thù địch, thông tin xấu, độc được triển khai thực hiện hiệu quả.

Trong nửa nhiệm kỳ qua, Tỉnh ủy đã ban hành nhiều chương trình, đề án, kế hoạch để chỉ đạo, định hướng công tác chính trị, tư tưởng, nhất là việc phòng, chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện công tác an sinh xã hội và phòng chống tham nhũng, tiêu cực bằng những việc làm thiết thực, cụ thể gắn với đời sống của người dân.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng thực hiện đảm bảo đúng các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, qua đó hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đã giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, kỷ cương, kỷ luật trong Đảng. Những quyết sách lớn của Đảng đều được tổ chức thảo luận rộng rãi, lấy ý kiến đóng góp của đảng viên và tổ chức đảng từ cơ sở. Công tác cán bộ cơ bản đáp ứng với yêu cầu, quy trình được tiến hành chặt chẽ, công khai, dân chủ, minh bạch; hiện nay, toàn Đảng bộ tỉnh có 38.757 đảng viên, với 21 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy, 731 tổ chức tổ chức cơ sở đảng và 2.392 chi bộ trực thuộc đảng bộ cơ sở. Kết nạp

3.317 đảng viên, đạt 55,28% so với chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đề ra (6.000 đảng viên mới).

Công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật được cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai, thực hiện toàn diện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng và hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh ủy đến các tổ chức Đảng. Trong 3 năm qua, cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp thành lập 2.765 đoàn kiểm tra, trong đó có 1.722 đoàn kiểm tra của các cấp ủy và 1.043 đoàn kiểm tra của UBKT các cấp. Qua kiểm tra, giám sát đã chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân, yêu cầu cần khắc phục, sửa chữa, đã thi hành kỷ luật 8 tổ chức đảng và 478 đảng viên vi phạm.

Công tác dân vận, hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, từng bước được nâng lên. Trong đó, Tỉnh ủy luôn sâu sát chỉ đạo, ban hành những chương trình, đề án, kế hoạch chuyên đề về công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội. Các đơn vị chủ động bám sát nội dung nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp và tình hình thực tế

của địa phương tích cực thực hiện công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bằng tinh thần đổi mới sáng tạo, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, Đảng bộ tỉnh Bình Phước đã bám sát chỉ đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội lần thứ XI Đảng bộ tỉnh. Trong nửa nhiệm kỳ qua, tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh liên tục duy trì ổn định, tăng trưởng bình quân hàng năm, giai đoạn 2020 - 2023 đạt 7,81%. Quy mô, tiềm lực của nền kinh tế tăng lên rõ rệt; cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực theo hướng bền vững hơn. Diện mạo xã hội, đời sống của đa số người dân từng bước được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người, tính đến hết năm 2022 đạt trên 90 triệu đồng. Tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều giảm còn 1,75% so với dân số toàn tỉnh (đầu nhiệm kỳ là 5,6%). Chính trị ổn định, quốc phòng, an ninh được bảo đảm, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Giai đoạn 2020-2022, dù trong bối cảnh gặp nhiều khó khăn, thách thức chưa từng có do đại dịch Covid-19 gây ra, tỉnh Bình Phước là địa phương trong vùng tâm dịch đã giữ vững địa bàn “An toàn - Ổn định - Phát triển”, thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa kiểm soát tốt dịch bệnh, vừa ổn định phát triển kinh tế - xã hội, nhanh chóng phục hồi sản xuất, kinh doanh, lấy lại đà tăng trưởng, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) năm 2022 của tỉnh đạt 8,42%, vượt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra (7-7,5%).

Bên cạnh những kết quả đạt được của tỉnh trong nửa nhiệm kỳ qua, tình hình phát triển kinh tế - xã hội cũng gặp không ít khó khăn, hạn chế. Dự báo tình hình thế giới thời gian tới gặp nhiều khó khăn, thách thức. Kinh tế tiếp tục chịu ảnh hưởng bởi suy thoái kinh tế toàn cầu; tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn, thời tiết diễn biến bất thường sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống, thu nhập của một bộ phận người dân; hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động ngày càng tinh vi hơn, phức tạp hơn... những vấn đề nêu trên,

sẽ đặt ra nhiều thách thức đối với công tác chỉ đạo, điều hành trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh trong nửa nhiệm kỳ còn lại, Tỉnh ủy đề ra một số giải pháp trong tâm sau:

1. Tiếp tục quán triệt, triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết, kết luận, chỉ đạo của Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ bảo đảm đúng thời gian, quy định và phù hợp với điều kiện, tình hình của tỉnh. Đặc biệt, là đẩy nhanh tiến độ, thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, kết luận thực hiện Chương trình hành động số 17-CTr/TU ngày 30/9/2021 của Tỉnh ủy, nhất là 03 đột phá chiến lược.

2. Tập trung thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách đạt chỉ tiêu; hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp ổn định và mở rộng sản xuất, nhất là những dự án lớn, trọng điểm; tiếp tục mở rộng nguồn thu, khai thác nguồn thu.

3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư trong và ngoài

nước, nâng tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Thực hiện hiệu quả Đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. rà soát, hoàn chỉnh, thực hiện tốt công tác quy hoạch, phát huy hiệu quả tiềm năng đất đai, gắn với bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân. Dự kiến đầu tháng 8/2023 tỉnh sẽ tổ chức Hội nghị văn hóa cấp tỉnh; sau đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ ban hành nghị quyết về văn hóa. Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định chính sách thu hút, đãi ngộ và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng cho các ngành, lĩnh vực. Sớm hoàn thiện thủ tục để triển khai hoạt động mô hình hợp tác giáo dục, mở các phân viện đại học có uy tín tại tỉnh; tập trung chỉ đạo xây dựng trường đạt chuẩn theo chỉ tiêu để ra; chăm lo tốt việc khám và chữa bệnh cho nhân dân. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công, bảo trợ xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

5. Chú trọng nâng cao nhận thức chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, đẩy mạnh hơn nữa việc phản bác những luận điệu xuyên tạc, sai trái của các thế lực thù địch, phản động; hoàn thiện, ban hành các quy chế, quy định về công tác tổ chức xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị; thực hiện hiệu quả Đề án nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; phòng ngừa, phát hiện, xử lý tham nhũng, tiêu cực. Tổ chức tốt công tác tiếp công dân, xử lý các đơn thư khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền, hạn chế khiếu kiện đông người và vượt cấp. Lãnh đạo công tác dân vận, hoạt động Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, phát động phong trào thi đua yêu nước, chăm lo đời sống cho đoàn viên, hội viên và Nhân dân; chú trọng công tác phản biện xã hội.

6. Thực hiện nghiêm các nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng, an ninh; triển khai diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ

theo kế hoạch. Thực hiện hiệu quả Đề án đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Bình Phước thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ mới. Thực hiện công tác đối ngoại bảo đảm đúng quy định, nhất là đối ngoại

quốc phòng, đối ngoại kinh tế và đối ngoại nhân dân ■

PV

(nguồn: Tham luận của Tỉnh ủy Bình Phước tại Hội thảo do Hội đồng Lý luận TW phối hợp với Thành ủy TP Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 6-2013)

¹ Các sản phẩm có giá trị sản xuất lớn và chủ lực của tỉnh: Năm 2021: Hạt điều khô tăng 25,98%, nhóm ngành hàng vải dệt tăng 11,2%, chế biến gỗ ván ép tăng 10,82%; Năm 2022: Hạt điều tăng 25,1%, nhóm ngành hàng vải dệt tăng 3,38%, chế biến gỗ ván MDF tăng 87,4% ; Năm 2023 Hạt điều ước tăng 20%; nhóm ngành hàng vải dệt ước tăng 3%, chế biến gỗ ván MDF ước tăng 5%.

² Thống nhất với Trường ĐHQG Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng 01 phân hiệu tại Bình Phước.

³ Phấn đấu đến năm 2025, duy trì và giữ vững các chỉ tiêu sau: (1) 94% hộ gia đình được công nhận và giữ vững danh hiệu “Gia đình văn hóa”; (2) 95% thôn, ấp, khu phố và tương đương được công nhận, giữ vững danh hiệu “Thôn, ấp, khu phố văn hóa”; (3) Phấn đấu 100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa; (4) Từ 70 - 75% số xã, phường, thị trấn có Trung tâm văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi; (5) Từ 75 - 80% số thôn, ấp, khu phố có Nhà văn hóa đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, để tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí cho trẻ em và người cao tuổi.

⁴ Năm 2021 giảm 2.378 hộ nghèo, năm 2022 giảm 2.491 hộ nghèo, ước năm 2023 giảm 2.000 hộ nghèo; đạt chỉ tiêu để ra là mỗi năm giảm khoảng 2.000 - 2.500 hộ nghèo.

⁵ Phấn đấu đến năm 2025 có 15% (khoảng 18.000) học sinh tiểu học; có trên 20% (khoảng 16.000) học sinh trung học cơ sở; có trên 20% (khoảng 14.000) học sinh trung học phổ thông tham gia đề án

MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH TÂY NINH NHIỆM KỲ 2020-2025 THỜI GIAN QUA



Một góc thành phố Tây Ninh _ Ảnh: Nguyễn Huỳnh Đông

Tây Ninh là tỉnh cửa ngõ phía Tây của Thành phố Hồ Chí Minh - Trung tâm chính trị - kinh tế - văn hoá - xã hội khu vực phía Nam; với truyền

thống cách mạng và mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, thường xuyên với các tỉnh Vùng Đông Nam bộ trong phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội,

củng cố quốc phòng an ninh của mỗi địa phương.

Quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2020 - 2025 trong hơn hai năm qua diễn ra trong bối cảnh thế giới phải đối mặt với đại dịch COVID-19 diễn biến vô cùng phức tạp, kéo dài, bối cảnh, cục diện chính trị - kinh tế thế giới có nhiều biến động đã tác động tiêu cực, gây ra rất nhiều khó khăn trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội đề ra. Tuy nhiên, với tinh thần đoàn kết, thống nhất, quyết tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, cùng với sự nỗ lực, cố gắng cao độ của các ban, ngành, đoàn thể và sự đồng thuận của Nhân dân đã phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phát huy truyền thống cách mạng, ý chí tự lực, tự cường và khơi dậy khát vọng vươn lên để tỉnh Tây Ninh phát triển nhanh và bền vững... đã khắc phục, vượt qua khó khăn, thách thức. Đến nay, đã đạt được những kết quả tích cực, tương đối toàn diện trên các lĩnh vực.

Về công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được thực hiện toàn diện trên tất cả các mặt về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Quốc phòng - an ninh được tăng cường, củng cố. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước, đối ngoại Nhân dân đúng chủ trương, định hướng của Đảng; duy trì tốt quan hệ đối ngoại, hợp tác với các tỉnh giáp biên thuộc Campuchia trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm an ninh tuyến biên giới và trong nội tỉnh. Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện chặt chẽ, kịp thời phát hiện, xử lý tổ chức đảng, đảng viên sai phạm. Triển khai hiệu quả nhiệm vụ, giải pháp về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, tạo sự chuyển biến thực chất, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên; sự thống nhất trong Đảng bộ, đồng thuận trong Nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Hoạt động của MTTQ, các tổ

chức chính trị - xã hội được tổ chức thiết thực, hiệu quả, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên trong các tầng lớp Nhân dân.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 27/7/2021 về đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên; Đề án số 01-ĐA/TU về hỗ trợ kinh phí cho cấp ủy viên dưới cơ sở thuộc các tổ chức đảng ở ấp, khu phố và trong doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước trên địa bàn giai đoạn 2022 - 2025. Đề án số 02-ĐA/TU về hạn chế tình trạng tổ chức đảng, đảng viên vi phạm bị xử lý kỷ luật, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Đề án số 03-ĐA/TU về kéo giảm tình trạng đảng viên bị xóa tên và xin ra khỏi Đảng trong Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Đề án số 05-ĐA/TU về tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, phòng chống âm mưu “diễn biến hòa bình”, gỡ bỏ các thông tin xấu độc, xuyên tạc của các thế lực thù địch, giai đoạn 2022-2025; Đề án số 07-ĐA/TU

về ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính trong hoạt động của Đảng bộ giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 03-NQ/TU về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực nhiệm kỳ 2021 - 2025.

Quan tâm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền; thực hiện rà soát, kiện toàn, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo tinh, gọn, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước theo chủ trương của Chính phủ. Đến nay, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã sắp xếp và cơ bản đảm bảo cơ cấu ngạch công chức hợp lý theo từng chức danh trong cơ quan, đơn vị. Đã phê duyệt Đề án vị trí việc làm của 29/29 sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, thị xã, thành phố. Xây dựng Đề án rà soát, điều chỉnh biên chế gắn với vị trí việc làm công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc cấp UBND huyện, UBND cấp tỉnh. Đã ban hành, triển khai thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 26/01/2021 chuyển đổi số của tỉnh đến năm 2025,

định hướng đến năm 2030; Đề án “Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025” để qua đó nâng cao chất lượng phục vụ, môi trường thu hút đầu tư.

Kết quả nổi bật về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, cơ bản phát huy hiệu quả, kịp thời triển khai các chính sách hỗ trợ đến các đối tượng thụ hưởng, góp phần thúc đẩy cho các hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh, hỗ trợ các doanh nghiệp và người lao động vượt qua tác động tiêu cực của đại dịch COVID-19, vốn của Chương trình, dự án đã được phân bổ, đưa

vào thị trường thông qua các dự án cấp thiết, phù hợp với tiêu chí, đối tượng quy định.

Thực hiện Nghị quyết tỉnh đảng bộ lần thứ XI, đến nay nhìn chung các chỉ tiêu về kinh tế - xã hội cơ bản đạt được 50% chỉ tiêu của Nghị quyết trở lên, khả năng cuối nhiệm kỳ sẽ hoàn thành. Kinh tế được duy trì tăng trưởng, từ năm 2020 - 2021, GRDP tăng lần lượt 3,23% và 0,88%, riêng năm 2022, GRDP đạt mức tăng trưởng 9,2% cao hơn bình quân chung cả nước và xếp thứ 1/8 tỉnh, thành trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng bình quân qua hai năm rưỡi, dự kiến là 5,0% (NQ: tăng từ 7,5% trở lên/năm). Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Tỷ trọng nông - lâm - thủy sản; công nghiệp - xây dựng; dịch vụ trong GRDP năm 2020 đạt 21,6% - 43,0% - 30,4%, đến tháng 6 năm 2023 ước đạt 17,3% - 46,7% - 31,4% (NQ: 14-15%;

51 - 52%; 32 - 33%). GRDP bình quân đầu người từ 3.190 USD năm 2020 tăng lên 3.690 USD vào năm 2022 bằng 33,1% so mục tiêu đến năm 2025 (NQ đến năm 2025: 4.700 USD). Dịch vụ du lịch là một trong những điểm sáng của nền kinh tế, có sự tăng trưởng bứt phá, cả về doanh thu và lượng khách tham quan. Công tác xây dựng nông thôn mới thực hiện đảm bảo chất lượng, tiến độ, kế hoạch đề ra, đến cuối năm 2022, toàn tỉnh có 61/71 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thu hút đầu tư trong và ngoài nước đạt khá, thu hút đầu tư trực tiếp từ nước ngoài (FDI) trong khu công nghiệp đứng thứ 10 cả nước. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay đã thu hút đầu tư 29.418 tỷ đồng và 1.623 triệu USD, trong đó cấp mới 157 dự án đầu tư trong và ngoài nước với vốn đăng ký 22.593 tỷ đồng và 832 triệu USD. Tỉnh đã ban hành Đề án huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021-2025 là cơ sở để tập trung huy động các nguồn lực để tạo bước đột phá, chuyển biến tích cực đưa kinh tế tỉnh Tây Ninh phát triển lên tầm cao mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Tổng vốn đầu tư toàn xã hội luôn duy trì mức trên 36% GRDP (NQ: 36% GRDP). Trong đó: khu vực đầu tư nước ngoài chiếm 49,8%, khu vực dân doanh chiếm 37,5% và khu vực nhà nước chiếm 12,7%. Trong hơn hai năm vừa qua, nguồn vốn huy động tăng trưởng tốt qua từng năm, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 12,8%, vượt kế hoạch đề ra (tăng từ 10-12%). Vốn huy động ước đến cuối tháng 6/2023 đạt 65.250 tỷ đồng và đến cuối năm 2023 đạt 68.943 tỷ đồng, tăng 12% so với đầu năm 2023.

Thu ngân sách nhà nước hàng năm đều đạt và vượt dự toán Trung ương giao, tăng bình quân 8,1%/năm (NQ: tăng 10%/năm trở lên), trong đó thu nội địa tăng bình quân là 6,3%/năm. Trong đó, thu nội địa vẫn là nguồn thu quan trọng, chiếm trên 80% tổng thu ngân sách hàng năm. Tổng chi ngân sách địa phương là 27.287 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân là 2,3%/năm. Về cơ bản, đã đáp ứng các nhiệm vụ chi ngân sách địa phương, phục vụ tốt các yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, xây dựng kết cấu hạ tầng và chỉnh trang đô thị. Giải ngân xây dựng cơ bản luôn nằm trong

nhóm các các đơn vị có tỷ lệ giải ngân cao nhất cả nước.

Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện những giải pháp mang tính đột phá tỉnh tập trung trong 04 lĩnh vực: thể chế và nguồn nhân lực, hạ tầng, du lịch, nông nghiệp; xây dựng Kế hoạch công tác cả nhiệm kỳ và kế hoạch, mục tiêu cụ thể trong từng năm; giao nhiệm vụ trực tiếp cho từng Tổ công tác, mà trực tiếp là đồng chí Tổ trưởng (các đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách từng lĩnh vực), chịu trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện; kết quả thực hiện là cơ sở để xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm của từng Tổ công tác.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo, đẩy nhanh tiến độ, quan tâm chất lượng các Quy hoạch, định hướng liên kết vùng, xác định không gian lan tỏa, phát triển, tập trung đẩy nhanh tiến độ Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; hiện nay đã được Hội đồng thẩm định thông qua, đang hoàn chỉnh nội dung trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Cụ thể hoá chủ trương, định hướng phát triển chuỗi công nghiệp, đô thị, dịch vụ

Mộc Bài – Thành phố Hồ Chí Minh - Cảng Cái Mép - Thị Vải trên tuyến hành lang kinh tế Xuyên Á tại Văn kiện Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 07/10/2022 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương thực hiện Hội thảo, Toạ đàm, xây dựng Báo cáo tư vấn trình Bộ Chính trị về các cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng cho Khu kinh tế cửa khẩu Mộc Bài; phối hợp chặt chẽ với Thành phố Hồ Chí Minh hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục dự án Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh – Mộc Bài trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư dự án; lựa chọn đơn vị nghiên cứu, đề xuất Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Cao tốc Gò Dầu - Xa Mát (giai đoạn 1). Khai thác tiềm năng điện mặt trời đi đôi với phát triển đồng bộ hạ tầng lưới điện; vận hành 10 nhà máy điện năng lượng mặt trời, tổng công suất lắp đặt 808MW. Tập

trung chỉ đạo quyết liệt, đẩy nhanh tiến độ một số công trình kết cấu hạ tầng giao thông lớn, huyết mạch, tạo sự phát triển lan toả. Phát triển vận tải đường thủy, nâng cao năng lực lưu thông hàng hoá quy mô lớn, giảm áp lực vận tải đường bộ, giảm chi phí logistics, tăng tính hấp dẫn đối với các nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư sản xuất, kinh doanh tại Tây Ninh.

Đẩy mạnh hợp tác, kết nối liên kết vùng, cùng với Thành phố Hồ Chí Minh và địa phương trong vùng Đông Nam Bộ thiết thực cụ thể hoá định hướng, quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 07/10/2023 của Bộ Chính trị về “phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” và Nghị quyết số 154/NQ-CP, ngày 23/11/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 07/10/2023 của Bộ Chính trị thông qua việc ký kết Bản thoả thuận hợp tác phát triển kinh tế - xã hội giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng Đông Nam Bộ đến năm 2025. Bên cạnh đó, tỉnh đã thống

nhất về nội dung và ký kết Chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội song phương giai đoạn 2022-2025 với các địa phương lân cận (đã ký kết với tỉnh Bình Dương, tỉnh Bình Phước, đang tiến tới ký kết với tỉnh Long An), đẩy mạnh đầu tư đồng bộ kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông thông suốt phục vụ hợp tác toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội giữa các địa phương. Ngoài ra, tỉnh đã ký kết hợp tác với Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, cùng triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chiến lược phát triển của tỉnh Tây Ninh; triển khai các đề tài khoa học và công nghệ; khảo sát, tư vấn, góp ý, phản biện cho tỉnh Tây Ninh trong xây dựng, thực hiện quy hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Hiện tại, Đại học Kinh tế - Luật thuộc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh đang phối hợp, hỗ trợ Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Tây Ninh xây dựng báo cáo đánh giá kết quả thực hiện giữa nhiệm kỳ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI để tỉnh nhận thêm được sự đánh giá khách quan, khoa học, thực tiễn, góc nhìn đa chiều

từ các chuyên gia, các nhà khoa học để phân tích những việc làm được/chưa được và nguyên nhân, dự báo bối cảnh, tình hình trong thời gian tới để khuyến nghị, đề ra những nhiệm vụ, giải pháp lớn cần tập trung thực hiện để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết đã đề ra.

Văn hóa xã hội có nhiều chuyển biến; các di sản văn hoá vật thể và phi vật thể được gìn giữ, phát huy, làm phong phú, đa dạng bản sắc văn hóa mang nét riêng có của địa phương, đến nay trên địa bàn tỉnh có 95 di tích được xếp hạng (gồm 01 di tích quốc gia đặc biệt, 26 di tích cấp quốc gia và 68 di tích cấp tỉnh); 08 di sản văn hóa phi vật thể, trong đó: 01 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận là Nghệ thuật đờn ca tài tử Nam bộ và 07 di sản văn hóa phi vật thể được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào Danh mục di sản văn hoá phi vật thể quốc gia¹. Nghề làm muối ớt Tây Ninh vừa được Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể Quốc gia.

Công tác chăm sóc sức khỏe Nhân dân được quan tâm; hệ thống y tế công lập được củng cố, nâng cao năng lực,

chất lượng; y tế tư nhân phát triển đa dạng với nhiều loại hình dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của Nhân dân. Đến nay có khoảng 8,3 bác sĩ/vạn dân (NQ đến năm 2025: 10 bác sĩ/vạn dân), số giường bệnh đạt 28 giường/vạn dân (NQ đến năm 2025: 30 giường/vạn dân). Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế ước đạt 90,25% tổng dân số. Tình trạng thiếu thuốc bảo hiểm y tế được khắc phục, đã phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu thực hiện cung ứng các mặt hàng thuốc cho các cơ sở y tế, cơ bản giải quyết tình trạng thiếu thuốc BHYT trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện đẩy nhanh tốc độ tiêm vắc xin phòng Covid-19 cho từng nhóm đối tượng. Đến nay², tỷ lệ bao phủ đủ 2 mũi vắc-xin phòng Covid-19 cho người từ 18 tuổi trở lên là 98,57%, mũi nhắc 1 là 70,75%, mũi nhắc 2 là 77,9%; tỷ lệ tiêm vắc-xin mũi 2 cho trẻ em từ 12-17 tuổi là 100%, mũi 3 là 70,82%; tỷ lệ tiêm vắc-xin mũi 1 cho trẻ em từ 5-11 tuổi là 96,08%, mũi 2 là 68,24%.

Quốc phòng, an ninh được củng cố thường xuyên; an ninh chính trị - trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên

tuyển biên giới được giữ vững ổn định, không để ra điểm nóng về khiếu kiện; an ninh trong tôn giáo, dân tộc, an ninh công nhân được bảo đảm. Đến nay, toàn tỉnh đã cấp thẻ căn cước công dân 1.064.962 thẻ (đạt 97,5% dân số trong độ tuổi) và cấp thẻ định danh điện tử được 334.853 trường hợp. Triển khai các chính sách hỗ trợ người di cư tự do từ Campuchia về cư trú trên địa bàn tỉnh Tây Ninh như hỗ trợ giải quyết các vấn đề về quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu và các giấy tờ tùy thân khác cho người di cư tự do từ Campuchia về cư trú trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ nhà ở và các chính sách đảm bảo an sinh xã hội khác (hỗ trợ gạo, thuốc khử trùng, phòng dịch, thuốc chữa bệnh,...).

Công tác dân tộc, tôn giáo được quan tâm thường xuyên; đồng bào các dân tộc thiểu số, tôn giáo đoàn kết, tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, xây dựng đời sống văn hóa và gìn giữ an ninh, trật tự ở địa phương. Thực hiện tốt chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo; quan tâm hỗ trợ, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đồng bào dân tộc thiểu số, tôn giáo còn nhiều khó khăn; tạo

điều kiện cho các dân tộc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa; phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo trong xây dựng nếp sống văn hóa ở khu dân cư. Hướng dẫn các tôn giáo hoạt động đúng pháp luật. Người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp thường xuyên đối thoại, gặp gỡ với già làng, chức sắc các tôn giáo, góp phần tạo niềm tin, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, giữ gìn an ninh, trật tự, không để xảy ra “điểm nóng” liên quan đến dân tộc, tôn giáo, tạo động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Chủ động, tăng cường và thực hiện tốt công tác đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Tiếp tục ký kết và thực hiện hiệu quả các Thỏa thuận hợp tác với Ban hành chính của 04 tỉnh thuộc Vương quốc Campuchia: Svay Rieng, Prey Veng, Tboung Khmum và Kampong Cham; thúc đẩy, cụ thể hoá các thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Tây Ninh (Việt Nam) với Chính quyền thành phố Gimhae, Hàn Quốc và Chính quyền thành phố Chungju, Hàn Quốc.

*** Từ thực tế lãnh đạo, chỉ đạo trong nửa đầu nhiệm kỳ tỉnh rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:**

Một là, giữ gìn đoàn kết thống nhất trong cấp uỷ; kiên định, giữ vững nguyên tắc trước những vấn đề khó khăn. Đối với những vấn đề lớn, khó, phức tạp, cấp bách, nhạy cảm, chưa có tiền lệ, còn nhiều ý kiến khác nhau, thì cần phải đưa ra họp bàn, thảo luận một cách dân chủ, thẳng thắn; cân nhắc cẩn trọng, kỹ lưỡng để có những quyết định kịp thời, đúng đắn, chính xác và phù hợp với tình hình.

Hai là, căn cứ, bám sát Chương trình làm việc, sự chỉ đạo của Trung ương, xin ý kiến của Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng trong thực hiện nhiệm vụ khó; đồng thời nhạy bén, linh hoạt, kịp thời điều chỉnh, bổ sung vào chương trình công tác những công việc mới phát sinh trên các lĩnh vực để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo có hiệu quả toàn diện mọi hoạt động trong đời sống xã hội.

Ba là, bám sát nhiệm vụ chính trị, nghiêm túc tự soi, tự sửa, tự phê bình và phê bình mạnh dạn đổi mới bước đi phù hợp; đảm bảo an ninh chính trị, trật tự - an toàn xã hội; cải thiện, nâng cao môi trường đầu tư; phát huy sức mạnh tổng hợp cả hệ thống chính trị, nguồn lực, sức mạnh Nhân dân trong

thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Bốn là, chú trọng nâng cao chất lượng công tác sơ tổng kết, đánh giá chất lượng cho hiệu quả; công tác kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Uỷ viên Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, các đồng chí Thường trực Tỉnh uỷ trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tổ chức thực hiện các Nghị quyết ở ngành, lĩnh vực phân công phụ trách.

Năm là, ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng trong việc đẩy mạnh liên kết Vùng với các địa phương trong Vùng Đông Nam Bộ, đầu tư cơ sở hạ tầng kết nối thông suốt, tạo điều kiện thuận lợi triển khai các chương trình, kế hoạch hợp tác chặt chẽ, toàn diện trên các lĩnh vực, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh hướng tới sự phát triển bền vững của toàn Vùng nói riêng và cả nước nói chung.

*** Nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tây Ninh nhiệm kỳ 2020-2025 trong thời gian tới**

Một là, quyết liệt triển khai hiệu quả các chương trình đột phá chiến

lược đã đề ra, tập trung các nhiệm vụ, chỉ tiêu khó đạt; đẩy nhanh tiến độ các công trình đầu tư trọng điểm đã và đang triển khai, nhất là các công trình hạ tầng giao thông kết nối trọng điểm mang tính động lực (cao tốc, trục giao thông kết nối với các tỉnh, thành phố giáp ranh). Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời, hiệu quả các chương trình hợp tác với các tỉnh, thành phố đã ký kết; chủ động tham gia, phối hợp triển khai các chương trình, dự án liên kết Vùng Đông Nam bộ đã đề ra.

Hai là, tiếp tục huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số toàn diện, đồng bộ; phát triển kinh tế số, xã hội số, xây dựng đô thị văn minh; xây dựng môi trường đầu tư công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh cao. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án “Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện điểm số và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số: PCI, PAPI, PAR INDEX, SIPAS và ICT INDEX của tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2021 - 2025”.

Ba là, tiếp tục nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sự phát

triển của các ngành, lĩnh vực. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức góp phần củng cố, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có trình độ, năng lực, năng động sáng tạo, trách nhiệm cao, khát vọng lớn, vì sự phát triển của địa phương.

Bốn là, chú trọng triển khai các nhiệm vụ phát triển văn hóa, xã hội, hài hòa và ngang tầm với phát triển kinh tế; bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội; không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác phòng, chống dịch bệnh gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân; y tế dự phòng, vệ sinh, an toàn thực phẩm.

Năm là, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tăng cường công tác đối ngoại. Thực hiện tốt công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế gắn với quốc phòng; thực hiện quản lý các khu vực biên giới chưa hoàn thành phân giới cắm mốc phù hợp với các điều

ước và thỏa thuận có liên quan giữa Việt Nam và Campuchia.

Sáu là, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, phát huy tích cực của tôn giáo trong phong trào thi đua yêu nước. Tăng cường tuyên truyền, vận động, phát huy vai trò già làng, người có uy tín trong dân tộc, chức sắc tôn giáo củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo sự đồng thuận trong nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh và làm tốt hơn nữa công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh. Xây dựng chính quyền các địa phương thật sự trong sạch, liêm chính, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Thực hiện nghiêm túc, có kết quả các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII

và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa XIII về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”, gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Làm tốt hơn nữa công tác cán bộ để lựa chọn, bố trí đúng những người thật sự có đức, có tài, liêm chính, tâm huyết; thật sự vì nước, vì dân vào các vị trí lãnh đạo của bộ máy nhà nước. Kiên quyết đấu tranh loại bỏ ra khỏi đội ngũ những cán bộ dính vào tham nhũng, tiêu cực ■

PV

(nguồn: Tham luận của Tỉnh ủy Tây Ninh tại Hội thảo do Hội đồng Lý luận TW phối hợp với Thành ủy TP Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 6-2013)

¹ Lễ hội Kỳ yên đình Gia Lộc, Nghề làm Bánh tráng phơi sương Trảng Bàng, Nghệ thuật múa trống Chhay-dăm, Lễ Vía bà Linh sơn Thánh mẫu, Lễ hội Quan lớn Trà Vong tỉnh Tây Ninh, Nghệ thuật chế biến món ăn chay, Nghề làm Muối ớt Tây Ninh.

² Số liệu thống kê đến ngày 02/4/2023.

MỘT SỐ KẾT QUẢ TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG, NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH TIỀN GIANG NHIỆM KỲ 2020-2025 THỜI GIAN QUA

Nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nghiên cứu, học tập, triển khai đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định công tác nghiên cứu, học tập nghị quyết của Đảng là khâu đầu tiên, có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đưa chủ trương, đường lối của Đảng đến với cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Do đó, ngay sau khi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh lần thứ XI nhiệm kỳ 2020 -2025 được ban hành, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng nghiêm túc tổ chức học tập, quán triệt trong cán bộ, đảng viên, đồng thời tuyên truyền sâu rộng đến Nhân dân. Xem đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, then chốt nhằm tạo sự

thống nhất nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong nhân dân, là tiền đề cho sự thành công trong tổ chức thực hiện nghị quyết.

Trên tinh thần đó, các cấp ủy đảng trong tỉnh nghiêm túc triển khai, quán triệt và tuyên truyền Nghị quyết lần thứ 4, 5, 6, Kết luận 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, đồng thời lãnh đạo, chỉ đạo việc cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận thành chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn của từng địa phương, đơn vị. Tỷ lệ đảng viên tham gia học tập, quán triệt đạt từ 97-98%. Hàng năm, các cấp ủy tổ chức kiểm điểm, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện; bổ sung

các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục thực hiện nghị quyết của Đảng.

Song song với việc học tập, quán triệt, công tác tuyên truyền được tiến hành sâu rộng, kịp thời, với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Các phương tiện thông tin đại chúng từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên đưa tin, bài, mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về những nội dung cơ bản của từng nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, những kết quả đạt được trong triển khai thực hiện ở các địa phương, đơn vị; những mô hình hay, cách làm hiệu quả, gương người tốt việc tốt nhằm tạo sự lan tỏa trong xã hội, góp phần đưa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương và của địa phương sớm đi vào cuộc sống.

Có thể khẳng định, bằng sự quyết tâm, đoàn kết của toàn Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trong nửa

nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, nửa nhiệm kỳ XI của Đảng bộ tỉnh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Tiền Giang nỗ lực, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện các mục

tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội và công tác xây dựng, chỉnh đốn đảng, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đặc biệt quan tâm đến việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, đã đạt nhiều kết quả rõ nét. Trong đó, đề cao trách nhiệm của cấp uỷ, sự gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhất là những người đứng đầu các cấp; phát huy dân chủ; tăng cường đoàn kết thống nhất trong

Bằng sự quyết tâm, đoàn kết của toàn Đảng bộ và Nhân dân tỉnh Tiền Giang, trong nửa nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng, nửa nhiệm kỳ XI của Đảng bộ tỉnh, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Tiền Giang nỗ lực, phấn đấu vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đạt được nhiều kết quả rất quan trọng, khá toàn diện.

Đảng; huy động sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân, góp phần nâng cao vị thế cầm quyền, khẳng định vai trò lãnh đạo, đường lối đúng đắn của Đảng, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

Chú trọng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là công tác tuyên truyền, giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh việc học tập, quán triệt, thực hiện Kết luận 01-KL/TW về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Kết luận 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) về *Đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”,* gắn với các nhiệm vụ, giải pháp về xây dựng Đảng

theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã đề ra.

Đẩy mạnh việc đưa những nội dung cốt lõi trong tác phẩm *“Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”, “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh”* của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng vào sinh hoạt của cấp ủy, sinh hoạt chi bộ định kỳ, sinh hoạt chuyên đề của từng chi bộ, cơ quan, đơn vị trong tỉnh. Qua đó, giúp cho cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc; có lối sống trong sạch, lành mạnh; thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, tiêu cực; phong cách làm việc dân chủ, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; khiêm tốn gần gũi, tôn trọng nhân dân, góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội ở các cơ quan, đơn

vị, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

Mặt khác, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh luôn xác định công tác kiểm tra, giám sát là một trong những phương thức lãnh đạo của Đảng, là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng, là biện pháp hữu hiệu để khắc phục bệnh quan liêu, tham nhũng, tiêu cực; đã ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành chương trình kiểm tra, giám sát khóa XI, nhiệm kỳ 2020- 2025 và các quy chế phối hợp giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các tổ chức đảng và cơ quan có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng. Hàng năm, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, tập trung vào những vấn đề trọng tâm như: xây dựng và triển khai thực hiện quy chế; thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII gắn với Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực...; tập trung kiểm tra, giám sát tổ

chức đảng, người đứng đầu, cán bộ chủ chốt ở những nơi dễ xảy ra vi phạm, nơi có nhiều bức xúc nổi cộm, dư luận quan tâm. Qua đó, đã giúp cho tổ chức đảng, đảng viên thấy được những hạn chế, thiếu sót để sửa chữa, khắc phục, góp phần giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng.

Cụ thể, các cấp ủy đã tiến hành kiểm tra chuyên đề đối với 1.086 tổ chức đảng và 1.426 đảng viên, giám sát chuyên đề đối với 1.030 tổ chức đảng và 1.480 đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp tiến hành kiểm tra 296 đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm, trong đó có 152 cấp ủy viên (8 huyện ủy viên và tương đương, 91 đảng ủy viên, 53 chi ủy viên).

Đối với việc tự phê bình và phê bình theo Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, khóa XII) và Kết luận 21 dẫn đi vào nền nếp; cấp ủy cấp trên luôn gương mẫu, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, gợi ý kiểm điểm đối với những tập thể, cá nhân thuộc quyền quản lý còn hạn chế, khuyết điểm trong thực hiện nhiệm vụ được giao; tăng cường kiểm tra việc khắc phục hạn chế, khuyết điểm của cấp dưới. Nhiều cán bộ, đảng viên luôn đề cao tinh thần trách

nhệm, nêu gương, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, lối sống, gương mẫu đi đầu, tận tụy với công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chất lượng sinh hoạt chi bộ từng bước được nâng lên; đẩy mạnh sinh hoạt chuyên đề, nhất là sinh hoạt chính trị tư tưởng, công tác đảng, từng bước khắc phục tình trạng đơn điệu, hình thức trong sinh hoạt. Đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thực chất hơn, sát với kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác xây dựng Đảng của từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Để thực hiện tốt Nghị quyết 18-NQ/TW, Nghị quyết 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Đề án 02-ĐA/TU để sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế của hệ thống chính trị và các đơn vị sự nghiệp công lập từ tỉnh đến cơ sở đạt nhiều kết quả thiết thực. Đến nay, giảm 3 đầu mối cấp tỉnh,

giảm 3 cấp trưởng và 3 cấp phó sở, ngành tỉnh; giảm 30 đầu mối cấp phòng (*thuộc khối Đảng, đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội*), giảm 30 cấp trưởng phòng, giảm 14 cấp phó trưởng phòng; giảm 43 đầu mối đơn vị hành chính cấp tỉnh, giảm 43 trưởng phòng, giảm 31 phó trưởng phòng; giảm 106 đơn vị là chi cục, các trạm chuyên ngành, trung tâm dịch vụ tỉnh, huyện (*giảm 39 tổ chức phối hợp liên ngành, giảm 39 trạm chuyên ngành, giảm 25 phòng thuộc chi cục, giảm 3 phòng thuộc đơn vị sự nghiệp*); giảm 137 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh, cấp huyện (1 cấp tỉnh, 51 đơn vị sự nghiệp trực thuộc các sở ngành tỉnh, 86 đơn vị sự nghiệp trực thuộc cấp huyện).

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp luôn được chú trọng và thực hiện thường xuyên; đã mở 2 lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho 403 cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo Quy định 164-QĐ/TW của Bộ Chính trị. Cấp ủy huyện và tương đương mở 18 lớp, với 3.014 học viên, nội dung chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức thực hiện đúng quy định khung

chương trình của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, đảm bảo kiến thức về lý luận chính trị; những vấn đề mới trong quan điểm, chủ trương của Đảng về chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại; công tác xây dựng Đảng, chính quyền; những vấn đề thực tiễn đặt ra đối với công tác lãnh đạo, quản lý ở địa phương. Cán bộ lãnh đạo các cấp sau khi được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đã phát huy được năng lực, sở trường công tác, nhiều cán bộ tích cực, nhạy bén trong công việc, phát huy được tính chủ động, sáng tạo trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trước yêu cầu đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, các cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã tập trung nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hóa thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng về công tác dân vận, tạo sức mạnh tổng hợp để địa phương phát

triển toàn diện, bền vững; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân ngày càng được nâng lên; một số vấn đề bức xúc trong nhân dân được giải quyết kịp thời. Đạt được kết quả trên, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao hiệu quả công tác dân vận; đổi mới, nâng cao chất lượng vận động, tập hợp nhân dân, chú trọng chất lượng các phong trào thi đua, các cuộc vận động; phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên; tích cực phòng, chống quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong hệ thống chính trị, tạo chuyển biến rõ nét về công tác dân vận của các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp, các đơn vị sự nghiệp công lập, gắn với phát huy vai trò của nhân dân trong giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền vững mạnh. Giám sát việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống của người đứng đầu, của cán bộ chủ chốt và đảng viên; tạo điều kiện để nhân dân tham gia đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên. Các cấp ủy, chính quyền đặc biệt

quan tâm chỉ đạo thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Chính phủ, của địa phương về công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; các vụ việc khiếu nại của công dân kéo dài được giải quyết đúng chính sách, pháp luật, kéo giảm đáng kể số người khiếu nại vượt cấp, góp phần phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, về lĩnh vực kinh tế

Trước tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của nhân dân và mọi mặt của đời sống, kinh tế, xã hội của cả nước, trong đó có Tiền Giang. Ngay sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát. Với quyết tâm chính trị, tập trung lãnh đạo của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội, nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã thực hiện “Mục tiêu kép” với nhiều giải pháp: vừa tăng cường phòng, chống dịch Covid-19, vừa đẩy mạnh phục hồi và phát triển kinh tế, phấn đấu hoàn thành cao nhất các

mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhiều chỉ tiêu đạt và vượt so với nghị quyết năm, thể hiện ở một chỉ tiêu sau:

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) tính theo giá hiện hành tăng khá, năm 2021 đạt 100.314 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 56,4 triệu đồng; năm 2022 tăng lên 112.819 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt 63,2 triệu đồng. Đặc biệt, trong năm 2022, tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh đạt 7,02%. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng theo định hướng.

Về xây dựng nông thôn mới đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần thay đổi diện mạo nông thôn. Trong 2 năm (2021-2022), có 19 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, 23 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 2 huyện được công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới. Đến nay, tỉnh có 137/142 xã nông thôn mới, 39/142 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 2 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 4/8 huyện đạt chuẩn nông

thôn mới, 3 đô thị hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

Các chỉ tiêu y tế, giáo dục đạt mục tiêu kế hoạch đề ra. Công tác dạy nghề và đào tạo lao động luôn được quan tâm, đặc biệt là hỗ trợ dạy nghề cho lao động nông thôn, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh từ 51% năm 2020 lên 52,5% năm 2022. Tỷ lệ hộ nghèo, giảm từ 1,87% năm 2020 xuống 1,47% năm 2021 và 1,27% năm 2022; ước năm 2023 giảm còn 1,07%.

Mặc dù những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Tiền Giang có nhiều đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế của vùng đồng bằng sông Cửu Long nói riêng và cả nước nói chung. Năm 2022, cơ cấu tổng sản phẩm GRDP theo giá hiện hành đứng thứ 3 trong vùng, đóng góp 9,9% vào GRDP cả vùng (sau tỉnh Long An và Kiên Giang); thu ngân sách địa phương chiếm tỷ trọng 9,9% của vùng; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chiếm tỷ trọng 7,1% của vùng; vốn đầu tư phát triển toàn xã hội chiếm tỷ trọng 11,0% của vùng.

Thứ ba, lĩnh vực phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng của tỉnh, ngày 30/9/2022, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị 06-CT/TU về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thành lập Ban Chỉ đạo tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kiện toàn bộ phận cải cách tư pháp, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp huyện. Theo đó, các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt, xây dựng các chương trình hoặc kế hoạch tổ chức thực hiện đạt kết quả tích cực, trong đó, tập trung vào các lĩnh vực nhạy cảm để phát sinh tham nhũng, tiêu cực như cấp giấy phép, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng cơ bản, thuế, mua sắm tài sản công, tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ,... nên tình hình tham nhũng, tiêu cực trên địa bàn tỉnh được kiểm soát, không xảy ra vụ việc tham nhũng lớn, gây thiệt hại về tài sản của Nhà nước. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, tổng số vụ việc có dấu hiệu tham nhũng, tiêu cực được phát hiện là 31 vụ/ 71 đối tượng; đã giải quyết 28 vụ/ 47 đối tượng, trong đó xử lý hành chính 13 vụ/ 27 cá nhân, khởi tố 15 vụ/ 20 bị can; đang xác minh điều tra làm rõ 03

vụ/ 20 đối tượng. Tổng số tiền thiệt hại khoảng 19,039 tỷ đồng, đã thu hồi hơn 4,585 tỷ đồng, tỷ lệ 24,1%.

Thứ tư, về quốc phòng - an ninh

Những vụ việc nghiêm trọng, phức tạp về an ninh, trật tự được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời. Trong đó, lực lượng công an đã phát huy vai trò nòng cốt trong triển khai đồng bộ các giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn kịp thời âm mưu, hoạt động chống phá, các hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; an ninh chính trị nội bộ, an ninh văn hóa - tư tưởng, an ninh kinh tế, an ninh thông tin được đảm bảo; các loại tội phạm được kiểm chế, kéo giảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Các ngành trong khối nội chính, tư pháp thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, phát huy tốt vai trò, trách nhiệm trong tham mưu, đề xuất cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo; bảo đảm việc thanh tra, kiểm tra phát hiện kịp thời vi phạm; việc khởi tố, bắt, tạm giữ, tạm giam, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm; công tác tiếp nhận, xử lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo, báo chí

phản ánh được thực hiện nghiêm, đúng pháp luật, được nhân dân đồng tình, ủng hộ, tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và sự quản lý, điều hành của chính quyền địa phương.

Với những kết quả nổi bật đạt được trong nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh rút ra những bài học kinh nghiệm để tiếp tục tập trung lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị còn lại của nhiệm kỳ 2020-2025 như sau:

Một là, kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy đảng cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ bằng các nghị quyết chuyên đề, các kế hoạch cụ thể để thực hiện. Nội dung thực hiện luôn bám sát với điều kiện thực tế của địa phương, của ngành, trong đó chú trọng phân tích, dự báo tình hình để có giải pháp thực hiện phù hợp. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện nghị quyết, có sơ kết, tổng kết, đánh giá.

Hai là, nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ

chức đảng; phát huy dân chủ, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng; quyết tâm chính trị cao, có các giải pháp cụ thể, khả thi để thực hiện. Tập trung đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, nâng cao chất lượng, hiệu quả sinh hoạt chi bộ. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương, tăng cường đoàn kết, thống nhất thực sự trong Đảng; đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên, chú trọng nâng cao chất lượng đảng viên; sàng lọc, kiên quyết đưa các đảng viên không đủ tư cách ra khỏi Đảng. Phát huy vai trò, trách nhiệm, sự nêu gương trong rèn luyện, giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu; kiên quyết đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên.

Ba là, kịp thời củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, nhất là ở cơ sở; thực hiện tốt việc giám sát, phản biện xã hội; giám sát đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng

viên; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bố trí đúng người, đúng việc. Coi trọng công tác cải cách hành chính, công tác dân vận gắn với phát huy dân chủ ở cơ sở, vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và khối đại đoàn kết toàn dân; dựa vào nhân dân, huy động sức mạnh toàn dân, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Thứ tư là, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các cơ quan nội chính, tu pháp trong thực thi và bảo vệ pháp luật; lãnh đạo thực hiện nghiêm các quy định về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; xử lý kịp thời các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trên các lĩnh vực. Phối hợp chặt chẽ, có hiệu quả trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự; thực hiện tốt công tác dự báo, nắm chắc tình hình, kịp thời phát hiện, ngăn chặn các băng, nhóm gây mất an ninh, trật tự,...

Năm là, đảm bảo sự gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế, văn hóa và an sinh xã hội, giữ vững ổn định chính trị, quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường, tích cực phấn đấu vì mục tiêu phát triển bền vững, cải

thiện và nâng cao đời sống của nhân dân. Chú trọng phát huy nội lực; đồng thời tranh thủ ngoại lực, tăng cường liên kết với các địa phương trong vùng đồng bằng sông Cửu Long, Thành phố Hồ Chí Minh để cùng phát triển.

Sáu là, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, hiệu quả. Thường xuyên tuyên truyền những mặt tốt, mặt tích cực, biểu dương gương người tốt, việc tốt, các gương điển hình tiên tiến, kết hợp giữa giáo dục với tăng cường kỷ luật, kỷ cương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

Có thể khẳng định, trong nửa nhiệm kỳ qua, trước bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước có những thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, nhất là ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã

tập trung lãnh đạo với quyết tâm chính trị cao, nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của địa phương, tạo đà để thực hiện thắng lợi cho cả nhiệm kỳ

2020-2025. Đây là

những kết quả có ý nghĩa rất quan trọng, để lại nhiều dấu ấn nổi bật, tạo khí thế mới, động lực mới, góp phần nâng cao niềm tin cho Đảng bộ và Nhân dân Tiền Giang vững vàng vượt qua khó khăn, thách thức, tận dụng thời cơ, thuận lợi nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI đã đề ra ■

PV

(nguồn: Tham luận của Tỉnh ủy Tiền Giang tại Hội thảo do Hội đồng Lý luận TW phối hợp với Thành ủy TP Hồ Chí Minh tổ chức, tháng 6-2013)